

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

MA THỊ HỒNG HẠNH

**HOẠT ĐỘNG CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU
TỈNH THÁI NGUYÊN (1986 - 2016)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN - 2018

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỬ PHẠM**

MA THỊ HỒNG HẠNH

**HOẠT ĐỘNG CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU
TỈNH THÁI NGUYÊN (1986 - 2016)**

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã ngành: 8.22.90.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Xuân Minh

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2018

Tác giả luận văn

Ma Thị Hồng Hạnh

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình và sự đóng góp quý báu của nhiều cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới TS. Nguyễn Xuân Minh - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Lịch sử, Phòng Sau đại học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã nhiệt tình giảng dạy, giúp đỡ tôi hoàn thành khoá học.

Đồng thời, tôi xin chân thành cảm ơn Mỏ sắt Trại Cau, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên... đã ủng hộ, giúp đỡ tôi trong quá trình hoàn thành luận văn.

Tôi xin cảm ơn Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, trường Trung học phổ thông Trại Cau đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập.

Cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã khuyến khích động viên tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

Ma Thị Hồng Hạnh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH	v
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	3
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài.....	4
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu	5
5. Đóng góp của Luận văn.....	6
6. Bố cục của Luận văn	6
Chương 1: KHÁI QUÁT MỎ SẮT TRẠI CAU TRƯỚC NĂM 1986.....	7
1.1. Quá trình xây dựng Mỏ sắt Trại Cau (1959 - 1963).....	7
1.2. Tình hình hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau (1963 - 1985).....	10
1.2.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ công nhân của Mỏ	10
1.2.2. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (1963 - 1975).....	12
1.2.3. Thi đua đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống (1975 - 1985)	17
Tiểu kết chương 1	21
Chương 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU (1986 - 2016)	21
2.1. Đường lối đổi mới của Đảng và sự vận dụng của Mỏ	22
2.2. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau từ năm 1986 đến năm 1996.....	26
2.2.1. Tổ chức quản lí và nguồn nhân lực	26
2.2.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh	34
2.3. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau từ năm 1997 đến năm 2016.....	39

2.3.1. Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Đảng	39
2.3.2. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau (1997 - 2016).....	40
Tiểu kết chương 2	50
Chương 3: VAI TRÒ CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU.....	52
3.1. Đối với sự phát triển kinh tế	52
3.1.1. Mỏ sắt Trại Cau góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước nói chung và địa phương nói riêng	52
3.1.2. Mỏ sắt Trại Cau góp phần làm chuyên biến cơ cấu kinh tế trong khu vực	56
3.2. Đối với sự phát triển xã hội	57
3.2.1. Mỏ sắt Trại Cau góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động	57
3.2.2. Mỏ sắt Trại Cau góp phần làm thay đổi bộ mặt xã hội trong khu vực....	58
3.2.3. Mỏ sắt Trại Cau tích cực tham gia các hoạt động xã hội của địa phương ..	60
3.2.4. Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên quan tâm bảo vệ môi trường	61
Tiểu kết chương 3	63
KẾT LUẬN.....	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	71
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Tổng sản lượng các sản phẩm của Mỏ trong giai đoạn 1986 - 1996.....	36
Bảng 2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Mỏ từ năm 1997 đến năm 2016	42
Bảng 2.3. Kết quả đóng góp cho ngân sách Nhà nước và thu nhập bình quân của công nhân từ năm 1997 đến năm 2016.....	47

DANH MỤC CÁC HÌNH

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Mỏ sắt Trại Cau.....	30
--	----

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Phát triển công nghiệp luôn giữ vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản sẽ trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Vì vậy, một hệ thống các chính sách công nghiệp đúng đắn sẽ là công cụ hữu hiệu để thực hiện mục tiêu phát triển ngành Công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

Công nghiệp luyện kim là một trong những ngành quan trọng bậc nhất của công nghiệp nặng. Sản phẩm chính của nó là gang và thép - nguyên liệu cơ bản cho các ngành công nghiệp cơ khí, xây dựng, gia công kim loại để tạo ra tư liệu sản xuất, công cụ lao động. Hầu hết các ngành kinh tế đều sử dụng sản phẩm của ngành Công nghiệp luyện kim.

Ngành Luyện kim của Việt Nam luôn luôn đồng hành với ngành Khai thác và chế biến các loại khoáng sản. Chính những sản phẩm của ngành Khai thác khoáng sản là vật liệu chủ đạo phục vụ cho công tác luyện kim. Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản vô cùng phong phú và đa dạng về chủng loại như than, sắt, kẽm, thiếc... Công nghiệp khai thác khoáng sản ở Việt Nam bắt đầu hình thành từ cuối thế kỉ XIX do tư bản Pháp thực hiện. Từ năm 1955, Việt Nam đã tiếp quản, duy trì và phát triển các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản. Đến năm 2015, Việt Nam tiến hành điều tra cơ bản, thăm dò và phát hiện mức trên 5.000 điểm khoáng và mỏ. Trong đó, một số loại khoáng sản được đánh giá là có giá trị công nghiệp và trữ lượng lớn, như than (240 tỉ tấn), sắt (2 tỉ tấn), bôxít (10 tỉ tấn), chì, kẽm, thiếc (2 tỉ tấn). Nhiều loại khoáng sản đã được khai thác phục vụ cho nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu.

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi - trung du, có thế mạnh về công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng và công nghiệp luyện kim. Các loại tài nguyên khoáng sản nằm ở địa bàn tỉnh Thái Nguyên có trữ lượng tương đối lớn, như

than, quặng sắt, đá vôi, vàng, v.v... Những nguồn tài nguyên đó là cơ sở cho sự ra đời ngành Luyện kim đầu tiên của nước ta. Vì vậy, từ năm 1959, Thái Nguyên được Đảng, Chính phủ chọn làm nơi xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép - cánh chim đầu đàn của ngành Công nghiệp nặng miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ.

Là một thành viên của Công ty Gang thép Thái Nguyên (nay là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên), Mỏ sắt Trại Cau có nhiều đóng góp to lớn đối với ngành Công nghiệp luyện kim. Nhiệm vụ chính của Mỏ là khai thác, chế biến quặng sắt cung cấp cho Nhà máy Luyện gang của Công ty. Ngoài ra, Mỏ còn cung cấp chất trợ dung cho công nghệ sản xuất xi măng trong nước và một số ngành công nghiệp khác; nghiên cứu công nghệ chế biến, sản xuất bột huyền phù từ quặng 0-8 mm Manhêtit để cung cấp cho công nghệ tuyển than; sản xuất đá xây dựng; gia công chế tạo sản phẩm cơ khí, sửa chữa thiết bị điện, đại tu thiết bị máy xúc, máy gặt, ô tô, máy công cụ...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp trên, sự giúp đỡ tạo điều kiện của địa phương và các đơn vị bạn, từ ngày khánh thành Nhà máy Tuyển khoáng (16/12/1963) đến nay, Mỏ sắt Trại Cau đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển ngành Công nghiệp luyện kim nước ta nói chung và Công ty Gang thép Thái Nguyên nói riêng. Qua mỗi giai đoạn, từ xây dựng cơ bản, sản xuất, chiến đấu bảo vệ sản xuất, thời kì đổi mới, Mỏ sắt Trại Cau đều để lại những dấu ấn đậm nét trong lịch sử phát triển của địa phương và đất nước. Trong công cuộc đổi mới, thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau luôn đoàn kết, thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động để khẳng định vị thế của mình.

Là một giáo viên giảng dạy bộ môn Lịch sử ở Trường Trung học phổ thông Trại Cau, tôi muốn được tìm hiểu về những hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau. Hơn nữa, việc nghiên cứu hoạt động của Mỏ, rút ra những bài học kinh nghiệm thành công và chưa thành công còn góp phần giúp Ban Lãnh đạo Mỏ có những định hướng phát triển trong tương lai.

Với những lí do trên, tôi chọn vấn đề: “*Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau tỉnh Thái Nguyên (1986 - 2016)*” làm đề tài Luận văn Thạc sĩ Sử học.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Khu Công trường Gang thép Thái Nguyên (trong đó có Mỏ sắt Trại Cau) được Chính phủ kí quyết định thành lập vào ngày 4/6/1959. Từ đó, công tác khảo sát, chọn địa điểm Nhà máy Tuyển khoáng được tiến hành. Đến ngày 16/12/1963, Lễ cất băng khánh thành Nhà máy Tuyển khoáng được tổ chức tại Máng quặng nguyên. Trong hơn 50 năm tồn tại và phát triển, Mỏ sắt Trại Cau đã được một số cá nhân, tập thể, tổ chức đề cập đến.

Năm 1978, Phòng Thông tin - Văn hoá Công ty Gang thép Thái Nguyên xuất bản cuốn *Khu Gang thép Thái Nguyên - vài nét về lịch sử truyền thống*. Cuốn sách đã giới thiệu một cách toàn diện quá trình xây dựng và những hoạt động của Khu Gang thép Thái Nguyên từ năm 1959 đến 1978. Trong đó, cuốn sách đề cập đến quá trình xây dựng và những hoạt động những năm đầu sản xuất của Mỏ sắt Trại Cau.

Năm 2003, Đảng uỷ Công ty Gang thép xuất bản cuốn *Công ty Gang thép Thái Nguyên 1959 - 2003: Biên niên sử tóm tắt*. Cuốn sách khái quát quá trình hơn 40 năm xây dựng, trưởng thành của Công ty; nêu rõ những đóng góp của Mỏ sắt Trại Cau trực thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Năm 2006, TS. Hà Thị Thu Thủy, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã công bố Luận án Tiến sĩ mang tên *Công nghiệp khai thác mỏ kim loại của thực dân Pháp ở Thái Nguyên (1906 - 1945)*. Công trình đã tìm hiểu cơ sở hạ tầng hình thành công nghiệp khai thác mỏ của tư bản Pháp ở Thái Nguyên; hoạt động khai thác mỏ của tư bản Pháp ở các khâu từ xây dựng cơ sở hạ tầng, chuẩn bị nhân công và hệ thống các mỏ than, kẽm, sắt. Luận án cũng nêu lên những tác động của hoạt động khai thác mỏ của tư bản Pháp đến kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2009, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản cuốn *Địa chí Thái Nguyên* của Tỉnh uỷ - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trong cuốn sách này, vấn đề tiềm năng khoáng sản ở Thái Nguyên được đề cập trong phần Địa chất và Khoáng sản. Tình hình khai thác khoáng sản ở Thái Nguyên cũng được khái quát sơ bộ trong phần Kinh tế công nghiệp.

Năm 2013, Chu Thị Tân bảo vệ thành công đề tài Luận văn Thạc sĩ: *Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 1997 - 2010*. Trong Luận văn này, tác giả trình bày khái quát một số hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau (1997 - 2010).

Hoạt động của Mỏ còn được nêu khái quát trong cuốn kỉ yếu *50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau* (phát hành tháng 12/2013).

Như vậy, cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào trình bày một cách hệ thống về hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau trong thời kì đổi mới 1986 đến 2016. Mặc dù vậy, tất cả những công trình nêu trên đều là nguồn tài liệu tham khảo quý giá giúp cho tác giả hoàn thành Luận văn này.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau trong giai đoạn 1986 - 2016.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau; những chuyển biến trong sản xuất kinh doanh và đời sống công nhân Mỏ trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới.

- *Phạm vi không gian*: Mỏ sắt Trại Cau nằm trên địa bàn thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Phạm vi thời gian*: Từ năm 1986 đến năm 2016. Tuy nhiên, để làm rõ yêu cầu của đề tài, Luận văn đề cập đến tình hình của Mỏ trước năm 1986.

3.3. Nhiệm vụ của đề tài

- Khái quát quá trình xây dựng, phát triển của Mỏ sắt Trại Cau trước năm 1986.

- Nghiên cứu hệ thống tổ chức và hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau trong giai đoạn 1986 - 2016. Qua đó, rút ra những mặt mạnh, hạn chế của Mỏ trong thời gian này.

- Đánh giá vị trí - vai trò của Mỏ trong thời gian 1986 - 2016.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Thực hiện đề tài này, tác giả Luận văn dựa vào các nguồn tài liệu sau:

- Văn kiện Đảng (các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước; nghị quyết Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, nghị quyết Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên...).

- Các tác phẩm bàn về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Các báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất của Mỏ sắt Trại Cau được lưu trữ tại Phòng Lưu trữ của Mỏ.

- Các công trình nghiên cứu về ngành khai khoáng đã được công bố.

- Các cán bộ lãnh đạo Mỏ sắt Trại Cau qua các thời kì.

Tất cả những nguồn tài liệu trên là cơ sở quan trọng để tác giả Luận văn hoàn thành đề tài này.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic là chủ yếu. Bằng phương pháp lịch sử, tác giả trình bày một cách hệ thống quá trình ra đời, hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau trong hơn 50 năm (1963 - 2016). Dựa vào các nguồn tư liệu lịch sử có chọn lọc, trên cơ sở phân tích các sự kiện, tác giả rút ra bản chất, tính quy luật trong quá trình hoạt động của Mỏ; nhận định, đánh giá vị trí - vai trò của Mỏ sắt Trại Cau đối với sự nghiệp xây dựng đất nước nói chung, địa phương nói riêng.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, phỏng vấn, điền dã.

5. Đóng góp của Luận văn

- Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên có tính hệ thống về quá trình xây dựng, hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên trong những năm 1986 - 2016.

- Làm rõ vị trí - vai trò của Mỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và địa phương nói riêng.

- Là nguồn tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy lịch sử địa phương tại các trường phổ thông trên địa bàn; đồng thời cũng là nguồn tài liệu dùng để giáo dục truyền thống cho các thế hệ cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ sắt Trại Cau.

6. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, danh mục *Tài liệu tham khảo* và *Phụ lục*, Luận văn được cấu tạo thành 3 chương nội dung:

Chương 1: Khái quát Mỏ sắt Trại Cau trước năm 1986.

Chương 2: Tình hình hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau trong những năm 1986 - 2016.

Chương 3: Vị trí - vai trò của Mỏ sắt Trại Cau.

Chương 1

KHÁI QUÁT MỎ SẮT TRẠI CAU TRƯỚC NĂM 1986

1.1. Quá trình xây dựng Mỏ sắt Trại Cau (1959 - 1963)

Năm 1897, sau khi căn bản hoàn thành bình định về quân sự, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành công cuộc cướp bóc, vơ vét trên quy mô lớn các nguồn tài nguyên khoáng sản trên đất nước ta (khai thác thuộc địa lần thứ nhất). Một trong những trọng điểm của chương trình khai thác thuộc địa là bóc lột tài nguyên mỏ. Thái Nguyên là một tỉnh thuộc khu vực trung du - miền núi phía Bắc Việt Nam; đất không rộng, người không đông, nhưng giàu có về tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là than mỡ và kim loại.

Đầu thế kỉ XX, Sở Địa chất Đông Dương tổ chức thăm dò mỏ ở Bắc Kỳ. Năm 1906, kết quả thăm dò mỏ cho biết ở Thái Nguyên có 1 mỏ than, 9 mỏ sắt, 1 mỏ mangan, 2 mỏ chì và bạc, 4 mỏ kẽm, 3 mỏ vàng. Kết quả thăm dò của Sở Địa chất Đông Dương một lần nữa càng khẳng định sự phong phú, đa dạng về tài nguyên khoáng sản ở vùng đất Thái Nguyên và càng cuốn hút sự quan tâm của thực dân Pháp. Do đó, ngành Công nghiệp khai thác mỏ cũng sớm được hình thành ở đây.

Vào những năm 1927 - 1928, Pháp cho thăm dò khu vực Trại Cau và phát hiện ra nhiều mạch quặng sắt dài tới 20 km ở Linh Nham, Na Lư, Cù Vân... [48, tr.328]. Các mỏ sắt ở Trại Cau, Tiến Bộ (huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)... đều là những mỏ lộ thiên có tổng trữ lượng khoảng 50 triệu tấn với 2 loại quặng chủ yếu là Manhêtit (có hàm lượng Fe trên 60%), Limônít (có hàm lượng Fe khoảng 50 - 55%) [48, tr.35]. Một chủ mỏ người Pháp tên là Bôvori đã khai thác hàng vạn tấn quặng sắt mang tên con gái mình là Ivol bán cho Nhật. Dưới ách áp bức, bóc lột của các chủ mỏ người Pháp, đời sống những người phu mỏ lúc đó vô cùng tối tăm; tai nạn lao động thường xuyên xảy ra, có lúc hầm sập vùi chết 46 phu mỏ.

Sau khi hòa bình được lập lại (1954), miền Bắc nước ta bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Là một tỉnh giàu tài nguyên khoáng sản, năm 1959, tỉnh Thái Nguyên được Đảng và Chính phủ chọn làm nơi xây dựng khu công nghiệp gang thép đầu tiên ở miền Bắc nước ta.

Ngày 4/6/1959, Chính phủ ban hành Quyết định số 214-TTg thành lập Công trường Khu Gang thép Thái Nguyên (trong đó có Mỏ sắt Trại Cau). Đồng chí Đinh Đức Thiện - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp - được bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Công trường. Tháng 9/1959, đoàn cán bộ gồm 22 người được thành lập, do đồng chí Ngô Huy Lễ - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, làm Chỉ huy trưởng Công trường xây dựng Mỏ sắt Trại Cau. Đoàn đã khảo sát, chọn địa điểm xây dựng Nhà máy Tuyển khoáng.

Lực lượng tham gia xây dựng trên Công trường Mỏ sắt Trại Cau gồm bộ đội chuyển ngành, các đoàn công nhân được tuyển dụng từ các tỉnh: Bắc Giang, Ninh Bình, Nam Định, Hải Phòng, Hưng Yên,... Công nhân được biên chế thành các đội: mặt bằng, cốp pha, cốt thép... Tháng 12/1959, tổng số cán bộ, công nhân trên công trường là 300 người; đến tháng 3/1960, tăng lên 1.862 người.

Ngày 12/9/1960, lễ khởi công xây dựng Trạm bơm Thác Lạc - công trình đầu tiên của Mỏ - được tiến hành. Sau đó, quân số tiếp tục được bổ sung, vào năm 1961 có trên 2.000 người. Khu vực rừng núi rậm rạp phía Nam huyện Đồng Hỷ đã trở thành một công trường sôi động nhộn nhịp. Với khí thế thi đua đạt danh hiệu *Kiên tước*, công nhân trên Công trường đã đào đắp hàng chục vạn mét khối đất, đá; san phẳng hàng chục quả đồi, đổ hàng vạn mét khối bê tông cốt thép, xây dựng hàng ngàn mét vuông nhà xưởng, lắp đặt hàng trăm tấn thiết bị máy móc. Khu đồi núi hoang vu với cơ sở khai thác thủ công thời thuộc Pháp đã biến thành một khu công nghiệp khai thác và chế biến quặng sắt phục vụ cho ngành Luyện kim đen của đất nước.

Công trường Mỏ sắt Trại Cau được xây dựng đã tạo ra diện mạo mới, từng bước làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội của địa phương. Ngày 19/10/1962, theo Quyết định số 114/CP của Chính phủ, 3 xóm: Thai Thông, Đoàn Kết, Thác Lạc của xã Tân Lợi (huyện Đông Hỷ) được tách ra để thành lập thị trấn Trại Cau trực thuộc thành phố Thái Nguyên.

Sau hơn 3 năm san đồi, bạt núi, lấp đặt thiết bị máy móc..., cán bộ, công nhân kỹ thuật Việt Nam và chuyên gia Trung Quốc đã hoàn thành công việc xây dựng Nhà máy Tuyển khoáng. Ngày 10/11/1963, Nhà máy bắt đầu chạy thử không tải; đến ngày 12/11/1963, chính thức chạy có tải.

Sáng ngày 16/12/1963, hàng ngàn cán bộ, công nhân kỹ thuật Việt Nam, chuyên gia Trung Quốc và nhân dân địa phương hân hoan phấn khởi về dự Lễ khánh thành Nhà máy Tuyển khoáng. Đồng chí Nguyễn Văn Trân - Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng - về dự và trực tiếp cắt băng khánh thành Nhà máy, đánh dấu toàn bộ các công trình xây dựng Mỏ sắt Trại Cau đã hoàn thành và đi vào sản xuất. Từ đó, ngày 16/12 hằng năm trở thành Ngày truyền thống của Mỏ sắt Trại Cau.

Nhà máy Tuyển khoáng Mỏ sắt Trại Cau là một trong những nhà máy tuyển quặng sắt đầu tiên của miền Bắc nước ta. Với công nghệ hiện đại, Nhà máy được đưa vào sản xuất phục vụ cho Khu Công nghiệp Luyện kim đầu tiên của cả nước.

Mỏ sắt Trại Cau là đơn vị thành viên của Công ty Gang thép Thái Nguyên (nay là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên). Văn phòng của Mỏ nằm trên địa bàn thị trấn Trại Cau (huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên), cách thành phố Thái Nguyên 20km về phía đông. Phạm vi hoạt động của Mỏ trên địa bàn của 3 xã: Nam Hòa, Cây Thị, Tân Lợi và thị trấn Trại Cau. Tổng diện tích đất đang sử dụng là 1.737.953 m². Mỏ được Nhà nước giao quản lý 8 điểm quặng sắt trong vùng, hiện tại đã và đang khai thác 6 điểm (Quang Trung, Thác Lạc, Chỏm Vung, Núi Đ, Núi Quặng, Hàm Chim); các điểm còn lại đang chuẩn bị khai thác. Mỏ

sắt Trại Cau có trữ lượng quặng sắt khoảng 9,88 triệu tấn. Qua mấy chục năm khai thác, trữ lượng quặng khu vực này còn có thể khai thác được gần 2,7 triệu tấn.

1.2. Tình hình hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau (1963 - 1985)

1.2.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ công nhân của Mỏ

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Công ty Gang thép Thái Nguyên, sau một thời gian đi vào hoạt động, đến năm 1964, bộ máy tổ chức của Mỏ sắt Trại Cau đã dần kiện toàn.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Mỏ sắt Trại Cau lúc này được tổ chức trên cơ sở nguyên tắc quản lý của Nhà nước, gồm có: 1 Giám đốc, 2 Phó Giám đốc, 1 Bí thư Đảng ủy, 1 Thư ký Công đoàn, 13 phòng, ban (Phòng Kỹ thuật, Phòng Cơ điện, Phòng Tài vụ, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Lao động - Tiền lương, Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Bảo vệ - Tự vệ, Ban KCS, Ban An toàn, Ban Kiến thiết cơ bản, Ban Y tế, Ban Chuyên gia - Giao tế), 5 phân xưởng (Phân xưởng Khai thác, Phân xưởng Tuyển khoáng, Phân xưởng Động lực, Phân xưởng Gia công cơ khí, Phân xưởng Sản xuất vật liệu) và các đội sản xuất.

Giám đốc Mỏ chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty Gang thép Thái Nguyên và tập thể lao động về việc điều hành sản xuất kinh doanh; về tổ chức quản lý, đảm bảo có hiệu quả cao theo đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các điều lệ, quy chế, phân cấp quản lý của Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Giúp việc cho Giám đốc là hệ thống các cán bộ quản lý từ Phó Giám đốc đến các Trưởng phòng, ban, Quản đốc và Phó Quản đốc phân xưởng, Tổ trưởng tổ sản xuất... Đội ngũ cán bộ quản lý từ Ban Giám đốc xuống đến các Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng đều có trình độ đại học.

Trong quá trình chỉ đạo hoạt động sản xuất, các tổ chức chính trị của Mỏ sắt Trại Cau cũng được thành lập và có vai trò rất quan trọng.

Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau được thành lập cùng với Đảng bộ Công trường Khu Gang thép Thái Nguyên ngày 24/10/1959. Kể từ ngày khởi công xây dựng Mỏ, Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau luôn giữ vững vai trò lãnh đạo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, nội bộ Mỏ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo việc sắp xếp cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đào tạo đội ngũ công nhân lao động và đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Công đoàn Mỏ sắt Trại Cau là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Công ty Gang thép Thái Nguyên, được thành lập ngày 22/11/1959. Quá trình phát triển phong trào công nhân, viên chức và hoạt động công đoàn cơ sở gắn liền với sự phát triển của Mỏ.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Mỏ sắt Trại Cau trực thuộc Đoàn Thanh niên Công ty Gang thép Thái Nguyên, được thành lập ngày 3/11/1959. Từ khi thành lập đến năm 1985, hoạt động của Đoàn tập trung vào nhiệm vụ thi đua xây dựng cơ sở vật chất, quản lý tài nguyên, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Mặc dù việc sản xuất kinh doanh của Mỏ có những thời điểm gặp nhiều khó khăn, song tổ chức Đoàn Thanh niên đã biết khắc phục, phát huy tốt những mặt tích cực, luôn xứng đáng là lực lượng xung kích trong mọi hoạt động. Có mặt ở hầu hết các vị trí của Mỏ, cán bộ, đoàn viên đã khẳng định sức trẻ của mình trong công tác xây dựng Mỏ, xây dựng tổ chức Đoàn ngày càng vững mạnh.

Số lượng công nhân làm việc tại Mỏ thường xuyên có trên 1.000 người (trong đó tỉ lệ nam giới chiếm trên 70%). Bộ phận công nhân khai thác quặng chủ yếu là lao động phổ thông, có trình độ văn hóa cấp 2 (nay là Trung học cơ sở), cấp 3 (nay là Trung học phổ thông). Bộ phận công nhân kỹ thuật có trình độ văn hóa cao hơn, được đào tạo cơ bản qua các trường lớp dạy nghề. Nguồn tuyển dụng công nhân là bộ đội chuyển ngành, thanh niên xung phong sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ; con em cán bộ, công nhân viên trong Mỏ. Ngoài các đối tượng trên,

trước yêu cầu phát triển của Mỏ, Ban Giám đốc đặc biệt chú ý tuyển dụng những học sinh đã tốt nghiệp các trường kỹ thuật, số công nhân có trình độ, tay nghề cao, những kỹ sư cơ điện, khai thác mỏ...

Trong quá trình sản xuất, nhận thấy tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với hoạt động của Mỏ, Ban Giám đốc rất chú ý đến việc nâng cao trình độ văn hóa và tay nghề cho công nhân. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc sử dụng máy móc thiết bị, Mỏ đã gửi công nhân đi đào tạo lại, đồng thời phân công và cắt cử những công nhân có trình độ tay nghề giỏi huấn luyện, kèm cặp thế hệ đi sau. Ngoài ra, Ban Giám đốc Mỏ còn mở các lớp bổ túc kỹ thuật, tổ chức thi thợ giỏi, nâng bậc cho công nhân các phân xưởng sản xuất. Nhờ đó, cùng với đội ngũ công nhân kỹ thuật, thông qua thực tiễn sản xuất, trình độ tay nghề của công nhân Mỏ được nâng lên. Đây là nhân tố quan trọng có tính quyết định giúp cho Mỏ sắt Trại Cau hoạt động có hiệu quả.

1.2.2. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (1963 - 1975)

Mỏ sắt Trại Cau là mỏ đầu tiên ở Việt Nam khai thác bằng phương pháp công nghiệp. Mỏ được thiết kế với công nghệ khai thác lộ thiên và tuyển rửa với công suất 350.000 tấn/năm. Công nghệ khai thác của Mỏ sắt Trại Cau là phương pháp khai thác lộ thiên với chiều cao tầng $H = 8\text{m}$, góc nghiêng tầng $\alpha = 65^\circ$. Việc mở vỉa được tiến hành bằng máy gạt C-100 và TZ-130, dùng máy khoan đập CZ-20M để khoan nổ mìn; xúc bốc quặng bằng máy xúc gầu thuận (W-1001 và W-1002) dung tích gầu là 1m^3 . Việc chuyển quặng từ nơi khai thác về xưởng tuyển đều bằng ô tô vận tải Kpaz có tải trọng 12 tấn. Quặng sắt được tuyển theo công nghệ tuyển nước và phân loại theo các công đoạn sàng tuyển để làm nguyên liệu luyện gang cung cấp cho dây chuyền luyện kim khép kín của Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Công nghệ chế biến được mô tả như sau:

Quặng nguyên khai \longrightarrow tuyển rửa, sàng thô \longrightarrow đập, sàng, tuyển,

rửa, sàng quay đập, sàng rung → rửa sạch → kho bãi.

Năm 1964 là năm đầu tiên nhận kế hoạch sản xuất, Mỏ đạt sản lượng 181.600 tấn quặng sạch. Ngày 21/8/1964, Mỏ sắt Trại Cau được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba* (theo Quyết định số 39 LCT ngày 21/8/1964). Phần thưởng cao quý này là nguồn động viên to lớn về chính trị tinh thần, giúp cho cán bộ và công nhân Mỏ tích cực thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt.

Bước vào năm 1965, do bị thất bại về cơ bản chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*”, cùng với việc đưa quân viễn chinh vào miền Nam trực tiếp tham chiến, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Là trung tâm công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc, lại có nhiều nhà máy quốc phòng (Z.159, Z.127) và là Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc, thành phố Thái Nguyên trở thành trọng điểm bắn phá của máy bay giặc Mỹ.

Khu Công nghiệp Gang thép, Nhà máy điện Cao Ngạn, huyết mạch giao thông cầu Gia Bẫy... đã trở thành nơi bị máy bay giặc Mỹ đánh phá ác liệt hòng khuất phục và xoá đi những thành quả lao động của nhân dân ta. Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã huy động trên 1.600 lượt chiếc máy bay, ném hàng nghìn quả bom phá, hàng vạn bom bi, rốc két hòng hủy diệt Khu Gang thép, trong đó có Mỏ sắt Trại Cau [41, tr.5]. Trong những năm chiến tranh, đội ngũ cán bộ công nhân của Mỏ vừa sản xuất vừa chiến đấu; coi vị trí sản xuất là vị trí chiến đấu, coi mục tiêu đảm bảo nguyên liệu cho lò cao hoạt động là mục tiêu hành động và tình cảm của mình. Khẩu hiệu “*Tổ quốc cần, sẵn sàng đổi máu lấy thép*” đã thể hiện ý chí kiên cường bám trụ nhà máy, bám trụ công trường, quên mình vì sự nghiệp gang thép.

Vượt qua khó khăn do địch đánh phá, năm 1965, Mỏ đạt sản lượng 306.750

tấn quặng sạch, trong đó có 110.000 tấn quặng lò bằng khai thác thủ công [41, tr.5]. Đây là năm đạt sản lượng cao nhất trong hơn 50 năm sản xuất của mỏ.

Từ năm 1966 trở đi, chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mỹ gây ra trên địa bàn Thái Nguyên càng trở nên ác liệt. Máy bay giặc Mỹ đã thả hàng chục tấn bom và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống khu vực thị trấn Trại Cau, phá hoại một số nhà cửa. Nhà máy tuyn khoáng, kho thiết bị của mỏ và một số công trình khác cũng bị phá hủy [6, tr.40].

Trước tình hình đó, cán bộ, công nhân mỏ sắt Trại Cau phải vận chuyển thiết bị để bảo toàn cơ sở vật chất. Hàng trăm tấn thiết bị máy móc đã được tháo dỡ vận chuyển đến nơi sơ tán an toàn (khu lán Cơ điện, khu Núi Đ... thuộc xã Cây Thị ngày nay); một số máy công cụ được đưa vào địa đạo tiếp tục hoạt động sản xuất, chiến đấu. Hàng nghìn mét chiến hào, địa đạo, hầm trú ẩn đã được đào đắp, góp phần làm thất bại âm mưu định hủy diệt của đế quốc Mỹ.

Trong thời gian đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn Thái Nguyên, dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của chuyên gia Trung Quốc, công nhân mỏ cùng với nhân dân thị trấn đã dựng cột và kéo hàng chục kilômét đường dây điện xuống xóm Bãi Bông (xã Hợp Tiến) để phục vụ cho trận địa tên lửa nhằm bảo vệ sân bay Kép và Khu Công nghiệp gang thép. Lực lượng tự vệ của mỏ được thành lập ngay từ khi xây dựng công trường mỏ sắt Trại Cau đã tích cực luyện tập. Công tác huấn luyện tự vệ hàng năm luôn đạt kết quả cao, đại đội súng phòng không của mỏ nhiều lần tham gia hội thao bắn đạn thật đã đạt thành tích xuất sắc. Năm 1967, lực lượng tự vệ mỏ phối hợp với nhân dân địa phương bắt sống 2 tên giặc lái máy bay Mỹ bị lực lượng súng phòng không Bắc Thái bắn rơi nhảy dù xuống xã Cây Thị [6, tr.47]. Đồng thời, công nhân mỏ sắt Trại Cau và nhân dân thị trấn tích cực củng cố các hầm địa đạo gồm: Đồi Văn phòng mỏ 2 cửa, đồi Mâm Xôi (nay là Đài Tưởng niệm thị trấn) 2 cửa, đồi Nhà hát 3 cửa thuộc tổ 9 và tổ 10, địa đạo đồi Cơ Bản 2 cửa thuộc tổ 2; đào thêm hàng trăm mét giao thông hào, hố cá nhân dọc các tuyến đường để cho nhân

dân trú ẩn khi có máy bay địch, đảm bảo sản xuất và chiến đấu.

Trong 2 năm 1966 - 1967, mặc dù chiến tranh phá hoại diễn ra ngày càng ác liệt, Mỏ vẫn đạt sản lượng bình quân 155.800 tấn quặng sạch mỗi năm, đảm bảo đủ nguyên liệu cho lò cao sản xuất [41, tr.6]. Do có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, ngày 30/12/1966, cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau vinh dự được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* lần thứ hai (theo Quyết định số 116 LCT do Chủ tịch nước Hồ Chí Minh đã kí).

Ngày 31/3/1968, giới cầm quyền Mĩ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và đến ngày 1/11/1968, chúng phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Tranh thủ thời gian hòa bình, cán bộ, công nhân Mỏ Trại Cau khẩn trương bắt tay vào nhiệm vụ sửa chữa thiết bị máy móc, khôi phục sản xuất. Vượt qua khó khăn về nguồn vốn, vật tư, phương tiện vận chuyển..., cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau nêu cao tinh thần đoàn kết, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Giữa lúc quân và dân hai miền đất nước ta đang giành những thắng lợi ngày càng to lớn, ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của toàn thể dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, từ trần. Ngày 3/9/1969, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị toàn thể khẩn cấp, ra Lời kêu gọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài “... *hãy biến đau thương thành hành động cách mạng, dũng cảm tiến lên, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện thắng lợi lí tưởng và hoài bão của Người; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ; ra sức học tập tư tưởng và tác phong của Người*” [46, tr.316].

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ sắt Trại Cau ra sức khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch của Bộ giao và nghị quyết Đảng ủy Công ty đề ra với

mức cao nhất. Trong 2 năm (1970 - 1971), Mỏ đều hoàn thành vượt mức từ 10% đến 14% so với kế hoạch Công ty Gang thép Thái Nguyên giao. Nhiều đơn vị đã hoàn thành vượt mức kế hoạch trước thời hạn. Tính chung trong 7 năm kể từ khi bắt đầu nhận kế hoạch sản xuất (năm 1964) đến năm 1971, tổng sản lượng quặng sạch của Mỏ đạt 1.055.606 tấn; bình quân mỗi năm đạt trên 150.800 tấn; năng suất lao động đạt 85,45 tấn/người/năm.

Bước sang năm 1972, tình hình cách mạng nước ta có những chuyển biến mới. Sau đòn giáng mạnh của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc Tiến công chiến lược (bắt đầu từ ngày 30/3/1972), chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ thất bại. Để đối phó, giới cầm quyền Mỹ âm mưu “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam; đồng thời liều lĩnh gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và hải quân. Ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16/4/1972, Tổng thống Mỹ Nícxơn chính thức phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu, quân, dân miền Bắc đã chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, các hoạt động khai thác, sản xuất ở Mỏ sắt Trại Cau vẫn không bị ngừng trệ. Do đúc rút kinh nghiệm từ cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nên việc phòng không sơ tán diễn ra nhanh chóng, mọi hoạt động sản xuất và đời sống chuyển sang thời chiến. Trong khói lửa chiến tranh, dù bị máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm (12/1972) làm hư hại một số phụ tùng ở kho sơ tán Thác Lạc, cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau vẫn quyết tâm thi đua đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Thời gian này, Mỏ sắt Trại Cau đã cung cấp 60.400 tấn quặng sạch cho dây chuyền luyện kim khép kín của Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Trong những năm 1973 - 1974, mặc dù chịu hậu quả của bom B.52 cuối

năm 1972, Mỏ vẫn hoàn thành kế hoạch Công ty Gang thép Thái Nguyên giao và cấp cho Công ty bình quân mỗi năm được 105.080 tấn quặng sạch; năng suất lao động đạt 82,28 tấn/người/năm.

Không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ khai thác quặng cung cấp cho Công ty Gang thép Thái Nguyên, cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau còn trực tiếp tham gia chiến đấu trên các chiến trường đánh Mỹ. Trong số đó, có nhiều người đã anh dũng hi sinh trên chiến trường miền Nam, được ghi danh trên các bia đá của ĐÀI TỔ QUỐC GHI CÔNG tại thị trấn Trại Cau; nhiều người lập công xuất sắc, tiêu biểu là Tạ Quang Tỷ - công nhân vận hành trạm bơm Mỏ sắt Trại Cau, được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Nhiều cán bộ, công nhân Mỏ sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về, đã được Lãnh đạo Mỏ sắp xếp việc làm, thực hiện đúng chính sách hậu phương quân đội. Cựu công nhân mỏ Đặng Thị Thảng được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*...

Những thành tích và đóng góp to lớn của cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận: 191 người được trao tặng *Huân chương Kháng chiến* các hạng; 52 người được trao tặng *Huy chương Kháng chiến* [41, tr.7].

1.2.3. Thi đua đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống (1975 - 1985)

Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta. Đó là kỉ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Hòa cùng với niềm vui chung của cả nước, cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ sắt Trại Cau hăng hái thi đua khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với truyền thống tự lực tự cường, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, cán bộ, công nhân Mỏ tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động. Những năm 1975 - 1978 là thời gian Mỏ sắt Trại Cau đạt

mức sản xuất khá cao. Tổng sản lượng sản phẩm quặng sạch đạt 887.983 tấn, bình quân 221.998 tấn/năm. Năng suất lao động đạt bình quân 143,68 tấn/người/năm [41, tr.9]. Trong hai năm (1975, 1977), cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau được Đảng và Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* lần thứ ba và lần thứ tư [41, tr.9]. Cùng thời gian trên, Mỏ sắt Trại Cau được đầu tư mở rộng hệ thống Tuyển khoáng 2, nhằm đạt sản lượng 30 vạn tấn/năm. Tổng số cán bộ, công nhân, viên chức là 1.500 người, đời sống hưởng theo chế độ tem phiếu do Nhà nước bao cấp, từ các mặt hàng nhu yếu phẩm đến các mặt hàng công nghệ phẩm.

Cuối năm 1978, đầu năm 1979, tình hình biên giới phía Tây Nam và phía Bắc nước ta có nhiều diễn biến phức tạp. Tập đoàn “Khome đỏ” ở Campuchia do Pôn Pốt cầm đầu đã mở những cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Hành động thù địch chống Việt Nam của tập đoàn Pôn Pốt được một số nhà lãnh đạo Trung Quốc lúc đó đồng tình ủng hộ. Họ còn có những hành động làm tổn hại đến tình hữu nghị của nhân dân hai nước, như cho quân khiêu khích dọc biên giới, dựng lên sự kiện “nạn kiều”, cắt viện trợ, rút chuyên gia Trung Quốc về nước... Nghiêm trọng hơn, sáng 17/2/1979, quân đội Trung Quốc mở cuộc tấn công dọc biên giới phía Bắc nước ta. Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, quân dân ta đã đứng lên chiến đấu.

Sự kiện chiến tranh biên giới phía Bắc đã khiến công trình xây dựng hệ thống Tuyển khoáng 2 bị dở dang, sản xuất của Công ty Gang thép Thái Nguyên và Mỏ sắt Trại Cau bị thu hẹp. Sản lượng quặng sạch năm 1979 đạt 150.882 tấn; đến năm 1980 giảm xuống còn 103.684 tấn [41, tr.9]. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn đó, cán bộ, công nhân viên Mỏ sắt Trại Cau vẫn quyết tâm giữ vững sản xuất. Toàn Mỏ đã đẩy lên phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sôi nổi. Mỗi công trường, mỗi đơn vị phân xưởng luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, cùng nhân dân sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc địa bàn của Mỏ cũng như thị trấn Trại Cau.

Năm 1981, Mỏ tập trung phân lớn lao động, thiết bị chi viện cho Mỏ than

Phần Mễ để bóc đất, đá phục vụ cho mục tiêu than mỡ của Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên. Sản lượng thép của Xí nghiệp chỉ đạt 16.168 tấn, sản lượng quặng sạch của Mỏ là 30.139 tấn. Trong năm này, Nhà trẻ Mỏ sắt Trại Cau (nay là Trường Mầm non Trại Cau) được đón nhận *Huân chương Lao động hạng Ba*, phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng.

Năm 1982, trước tình hình thiếu than mỡ, Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên ứng dụng lò điện để luyện gang, xây dựng thêm lò điện dùng sắt thép phế để luyện lại. Sản lượng quặng sạch của Mỏ chỉ còn 28.048 tấn/năm. Để lo việc làm, đời sống cho 1.150 công nhân viên chức, Mỏ đã nghiên cứu chế tạo thiết bị dây chuyền sản xuất bột Manhêít, cung cấp cho ngành Than dùng làm dung dịch tuyển huyền phù.

Ngày 16/2/1983, dây chuyền sản xuất bột Manhêít được khánh thành, công nhân, viên chức có thêm thu nhập, giữ vững đời sống khi sản xuất chính chưa phát triển.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên là đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh các mặt hàng sản xuất phụ, sản xuất khác, Mỏ đã tổ chức thí nghiệm và khai thác vàng sa khoáng. Mỏ thành lập phân xưởng Sa khoáng. Kết quả sản lượng vàng sa khoáng năm đầu tiên được 3 kg, góp phần tháo gỡ khó khăn về tài chính cho Xí nghiệp. Sản lượng quặng sạch đạt 84.500 tấn, bột Manhêít thô đạt 1.500 tấn [41, tr.9].

Trong 2 năm 1984 - 1985, sản xuất của Mỏ vẫn bị cầm chừng, sản lượng quặng sạch từ 81.342 tấn đến 97.581 tấn/năm. Sản lượng vàng sa khoáng từ 300 đến 350 gam/năm. Bột Manhêít thô từ 550 tấn đến 1500 tấn/năm [41, tr.10]. Thiết bị khai thác qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, vật tư phụ tùng thay thế vừa thiếu thốn vừa kém chất lượng; năng suất, sản lượng khai thác thấp. Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, điều hành kém hiệu quả, lực lượng lao động thiếu việc làm,...

Mặc dù còn có những hạn chế, nhưng trong 10 năm (1975 - 1985), Mỏ sắt Trại Cau đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần cùng Công ty (từ năm 1980 là Xí nghiệp Liên hợp) Gang thép Thái Nguyên khôi phục

nhà máy, tiếp tục sản xuất gang thép cho Tổ quốc. Để đạt được kết quả nêu trên, trong thời gian này Mỏ sắt Trại Cau đã phát động nhiều phong trào thi đua như phong trào *Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật*, phong trào *Thực hiện ngày công, giờ công đầy đủ*... Hàng năm, cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ đều được đánh giá, bình bầu các danh hiệu thi đua: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua*...

Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của cán bộ, công nhân được Đảng ủy, Ban Giám đốc và các đoàn thể, nhất là Công đoàn Mỏ quan tâm. Trong những năm có chiến tranh phá hoại và giai đoạn trước đổi mới, đời sống người lao động cả nước gặp khó khăn; lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm, Công đoàn Mỏ đã có nhiều hoạt động để thúc đẩy sự phát triển của Mỏ. Cùng với việc đẩy mạnh phong trào thi đua, tham gia quản lý, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, nhiều chương trình công tác lớn đi sâu vào hoạt động chăm lo đời sống người lao động được thực hiện. Công đoàn Mỏ thường xuyên phát động phong trào tăng gia, tiết kiệm trong công nhân, viên chức; thành lập đội tăng gia, tận dụng diện tích đất chưa sử dụng trong quy hoạch mỏ để trồng lúa, trồng rau, nuôi lợn, nuôi bò, thả cá... nhằm tự túc tại chỗ một phần lương thực, thực phẩm. Hàng năm, Mỏ sắt Trại Cau thu được hàng chục tấn lương thực quy thóc, hàng chục tấn thịt, cá cùng khối lượng lớn rau, đậu các loại. Đội tăng gia luôn duy trì được đàn lợn khoảng 30-40 con, đàn bò khoảng 10-15 con... để phục vụ cho bữa ăn ca của đội ngũ công nhân Mỏ.

Hàng tuần vào tối thứ Bảy, Chủ nhật, Mỏ tổ chức chiếu phim phục vụ cán bộ, công nhân viên và nhân dân thị trấn Trại Cau. Phong trào văn nghệ, thể thao khá sôi nổi. Hàng năm, Mỏ đều tổ chức Hội diễn văn nghệ quần chúng trong đơn vị và tham gia Hội diễn văn nghệ ở Công ty Gang thép Thái Nguyên. Trong các dịp kỉ niệm Ngày Quốc tế Lao động (1/5), Ngày thành lập nước (2/9), Ngày Truyền thống (16/12)..., Mỏ đều tổ chức thi đấu các môn thể thao (bóng đá, bóng chuyền nam nữ...) giữa các đơn vị.

Công tác giáo dục, y tế được Đảng ủy, Ban Giám đốc và các đoàn thể coi

trọng. Cơ sở vật chất của nhà trẻ, mẫu giáo, bệnh viện Mỏ (sau này là Trường Mầm non Trại Cau, Phân viện Trại Cau) được đầu tư xây dựng. Trường Phổ thông cấp 1, cấp 2, cấp 3, cửa hàng bách hóa, ngân hàng, bưu điện, trạm xá, trụ sở làm việc của Ủy ban Nhân dân thị trấn Trại Cau cũng như các xã quanh vùng luôn có mối quan hệ chặt chẽ với Mỏ. Mỏ đã trích nhiều kinh phí, vật tư, thiết bị lao động để góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương (như nhà hát, sân bóng, đường giao thông nội bộ, hệ thống đường điện sinh hoạt...). Những việc làm đó đã tạo nên móng tốt đẹp cho mối quan hệ giữa Mỏ và nhân dân địa phương.

Tiểu kết chương 1

Mỏ sắt Trại Cau được xây dựng là nhằm phục vụ cho khu Công nghiệp Luyện kim đầu tiên của cả nước. Quá trình xây dựng Mỏ sắt Trại Cau thể hiện sự nỗ lực to lớn của Công ty Gang thép Thái Nguyên, đồng thời cũng là minh chứng cho tình đoàn kết hữu nghị Việt - Trung.

Giai đoạn 1959 - 1985 là một giai đoạn phấn đấu vươn lên không ngừng của Mỏ sắt Trại Cau. Ra đời và hoạt động trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, Mỏ sắt Trại Cau đã vượt qua bao khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong những năm 1966 - 1967, do chiến tranh phá hoại diễn ra ác liệt, cán bộ, công nhân Mỏ phải di chuyển hàng trăm tấn máy móc vào rừng sâu; tiếp tục sản xuất, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho ngành Công nghiệp gang thép Thái Nguyên.

Từ trong thực tiễn sản xuất và chiến đấu, cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ sắt Trại Cau luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động. Đây chính là điều kiện thuận lợi cho Mỏ phát triển vững chắc khi bước vào thời kì đổi mới.

Chương 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU

(1986 - 2016)

2.1. Đường lối đổi mới của Đảng và sự vận dụng của Mỏ

Vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Toàn cầu hoá trở thành xu thế tất yếu chi phối thời đại, không loại trừ một quốc gia, dân tộc nào. Nếu muốn phát triển, các nước buộc phải mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với toàn cầu hoá kinh tế, cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại diễn ra với nhịp độ ngày càng mạnh mẽ, mà cốt lõi là dựa trên việc ứng dụng những phát minh khoa học công nghệ.

Tình hình này đã tác động mạnh đến nền kinh tế thế giới, chẳng những các lực lượng sản xuất và cơ cấu kinh tế thế giới có nhiều thay đổi theo xu hướng dựa vào tri thức, khoa học công nghệ, mà còn làm xuất hiện các ngành sản xuất mới có hàm lượng chất xám ngày càng tăng cao. Làn sóng cải cách, đổi mới kinh tế diễn ra ở hầu hết các nước trên thế giới, từ những nước phát triển đến các nước đang phát triển.

Các nước tư bản chủ nghĩa sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đã tiến hành chính sách điều chỉnh kinh tế. Nội dung cơ bản là điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung vào các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, thực hiện điều tiết nền kinh tế chủ yếu thông qua các công cụ vĩ mô, thực hiện tư nhân hoá khu vực kinh tế nhà nước, tăng cường vai trò kinh tế tư nhân.

Các nước đang phát triển ở khu vực châu Á cũng thực hiện cải cách kinh tế, trở thành khu vực phát triển năng động của thế giới. Các cải cách ở đây bao gồm cải cách cơ cấu và xác định đúng chiến lược kinh tế để nâng cao sức cạnh tranh và phát triển, mở cửa hội nhập và liên kết kinh tế, khuyến khích xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

Các nước xã hội chủ nghĩa trước những khó khăn chồng chất đã tiến hành cải cách kinh tế nhằm khắc phục cơ chế kế hoạch hoá hành chính chỉ huy, chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Cải cách kinh tế Trung Quốc từ năm 1978 đã đạt

được thành tựu to lớn.

Làn sóng cải cách kinh tế rộng khắp thế giới cùng với quá trình toàn cầu hoá, cuộc cách mạng khoa học công nghệ là một trong những áp lực mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

Trong khi đó, sau 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu kinh tế - xã hội. Song chúng ta chưa tiến xa được bao nhiêu, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới. Trong thời kì thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), chúng ta không thực hiện được mục tiêu đã đề ra là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, tiêu cực trong xã hội gia tăng, công bằng xã hội bị vi phạm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự suy giảm lòng tin vào Đảng và Nhà nước.

Cuộc khủng hoảng ở nước ta có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan là hậu quả của cuộc chiến tranh lâu dài, của sự cắt giảm viện trợ quốc tế. Nguyên nhân chủ quan là những khuyết điểm, sai lầm trong lãnh đạo, quản lí kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Tỉnh Bắc Thái nói chung và địa bàn Thái Nguyên nói riêng cũng không nằm ngoài những khó khăn chung của đất nước. Nhiều nghị quyết quan trọng của Đảng, Chính phủ về quản lí và tổ chức chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, cán bộ thiếu đi sâu, đi sát cơ sở để nắm chắc tình hình và kịp thời giải quyết. Nền kinh tế của tỉnh nói chung và các doanh nghiệp trong tỉnh nói riêng vẫn chịu sự quản lí theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, làm ăn kém năng động, kém hiệu quả.

Mỏ sắt Trại Cau lúc này cũng gặp nhiều khó khăn. Qua nhiều năm sử dụng, thiết bị khai thác cũ nát, vật tư phụ tùng thay thế kém lại thiếu thốn. Bộ máy quản lí công kênh, điều hành kém hiệu quả, lực lượng lao động dôi dư nhiều,

trình độ thấp, tổ chức sắp xếp lao động chưa hợp lí, chính sách đối với người lao động chưa phù hợp; năng suất, sản lượng khai thác thấp, đời sống cán bộ, công nhân viên gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Từ thực tế nêu trên, vấn đề cấp bách đặt ra là phải tìm được cách thức phát triển nhằm đáp ứng mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó quan trọng nhất là tháo gỡ các ràng buộc về cơ chế và thể chế để giải phóng các nguồn lực, phát triển đất nước.

Đường lối đổi mới toàn diện đất nước chính thức được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986). Trong quá trình thực hiện, nhiều hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và đặc biệt là Đại hội VII (6/1991) với *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội VIII (6/1996), Đại hội IX (4/2001), Đại hội X (4/2006) đã không ngừng bổ sung, phát triển hoàn thiện đường lối đổi mới, làm rõ hơn những vấn đề lí luận và thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong đường lối đổi mới của Đảng ta từ năm 1986 có chủ trương đổi mới phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp nặng nói riêng, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đổi mới trước hết là ở nhận thức. Trong những năm trước, do nhận thức phiến diện về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nên đã dẫn đến khuynh hướng chú trọng phát triển công nghiệp nặng, chú trọng quy mô lớn và xây dựng. Chính từ đó, nền kinh tế rơi vào tình trạng mất cân đối nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng trên, trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư các ngành kinh tế, mà thực chất là cụ thể hoá nội dung của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế nước ta ở từng giai đoạn. Những năm đầu của sự nghiệp đổi mới (1986 – 1990), cần tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (Lương thực - Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu), tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo; cần

phát triển một số ngành công nghiệp nặng để phục vụ cho ba chương trình kinh tế lớn.

Trong cải tạo, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng năng lực sản xuất. Đại hội VI đã khẳng định sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều này xuất phát từ thực trạng kinh tế, xã hội còn thấp ở Việt Nam. Nó cho phép có nhiều hình thức sản xuất kinh doanh đa dạng, phù hợp về quy mô, trình độ nhằm khai thác các tiềm năng kinh tế của xã hội. Đảng coi đây là giải pháp chiến lược để giải phóng sức sản xuất và xây dựng cơ cấu kinh tế phù hợp.

Trong quản lí công nghiệp, Đảng chủ trương xoá bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về thực chất, đây là đường lối xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục đích phát triển tối đa lực lượng sản xuất, nhằm xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao và cải thiện đời sống cho nhân dân.

Nghị quyết của Đảng là những định hướng quan trọng cho các ngành Công nghiệp nói chung và ngành Công nghiệp luyện kim nói riêng đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển trong thời kì đổi mới. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên nhanh chóng triển khai trong toàn đơn vị, đề ra những mục tiêu lớn có tính định hướng với các đơn vị thành viên, trong đó có Mỏ sắt Trại Cau.

Đảng ủy và Ban Giám đốc Mỏ sắt Trại Cau đã coi trọng công tác giáo dục tuyên truyền, giải thích cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức thẩm nhuần chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Chính phủ, quy chế của Xí nghiệp về công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng

xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó tiến hành đổi mới công tác quản lý điều hành, đa dạng hóa hình thức khai thác, tổ chức cán bộ, phương thức lãnh đạo, kiểm tra của Đảng, hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong Mỏ.

Bước vào thời kì đổi mới, Ban Lãnh đạo Mỏ sắt Trại Cau tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từng bước lựa chọn, bồi dưỡng, sắp xếp sử dụng đội ngũ cán bộ thích nghi dần với cơ chế mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, có ý thức tổ chức kỉ luật, gắn bó với sự nghiệp khai thác mỏ; xây dựng quy chế làm việc, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ của Mỏ; đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, tăng cường phát huy các sáng kiến kinh nghiệm; duy trì sinh hoạt tập thể, thường xuyên kiểm tra nắm chính xác các nguồn thông tin trong sản xuất kinh doanh, đời sống, trật tự trị an, từ đó có những uốn nắn kịp thời.

Ban Lãnh đạo Mỏ sắt Trại Cau nhấn mạnh: Để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động sáng tạo để tháo gỡ những vướng mắc, thoát khỏi tình trạng trì trệ trong sản xuất, từng bước cải thiện đời sống người lao động. Khâu quan trọng là cải tiến công tác quản lý, tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại đội ngũ công nhân, tăng cường phát huy sáng kiến cải tiến kĩ thuật, đầu tư thiết bị cho phù hợp với điều kiện khai thác nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.

Những định hướng trên là cơ sở lí luận và thực tiễn để Mỏ sắt Trại Cau cụ thể hoá bằng hoạt động của mình trong thời kì đổi mới. Với đường lối đúng đắn, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao thường xuyên của cấp trên và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức, Mỏ sắt Trại Cau đã sẵn sàng bước vào cơ chế thị trường.

2.2. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau từ năm 1986 đến năm 1996

2.2.1. Tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

Bước vào thời kì đổi mới đất nước, trải qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Mỏ sắt Trại Cau đã đạt được nhiều thành tựu to lớn đảm bảo

đời sống cho đội ngũ cán bộ, công nhân, từng bước kiện toàn bộ máy quản lý cũng như phát triển nguồn nhân lực với chất lượng chuyên môn ngày càng cao. Đó là những nền tảng vững chắc để Mỏ từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân trong thời kì đổi mới.

Trước những thách thức trong cơ chế quản lý mới của Nhà nước, việc làm trước tiên là phải nhanh chóng hoàn thiện bộ máy tổ chức và quản lý. Cơ cấu tổ chức sản xuất bao gồm các bộ phận có mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau, được phân cấp trách nhiệm và quyền hạn nhất định nhằm đảm bảo chức năng quản lý, chủ yếu theo mô hình đơn vị phụ thuộc. Cụ thể, bộ máy tổ chức và quản lý của Mỏ gồm có Ban Giám đốc, các phòng chức năng và các phân xưởng sản xuất.

Ban Giám đốc gồm có 1 Giám đốc và 2 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật. Ban Giám đốc có chức năng điều hành mọi hoạt động của Nhà máy, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên:

Giám đốc là người điều hành phụ trách chung cho tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ, theo dõi tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các phòng, ban chức năng, điều hành các mặt công tác: Tổ chức lao động văn phòng, kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, kế toán tài chính; quyết định tổ chức bộ máy quản lý; bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỉ luật; tổ chức chỉ đạo xây dựng cụ thể hoá các hệ thống nội quy, quy chế; tổ chức công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội... Giám đốc chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên về mọi mặt hoạt động của Mỏ.

Phó Giám đốc phụ trách sản xuất: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hoạt động của lĩnh vực sản xuất kinh doanh; được thay mặt Giám đốc khi Giám đốc uỷ quyền. Nhiệm vụ chủ yếu là: Tổ chức xây dựng triển khai tác nghiệp sản xuất đến các phân xưởng, đội trực thuộc các phòng chức năng theo kế hoạch cụ thể của từng tháng; giải quyết các công việc phát sinh trong sản xuất, chỉ đạo các

bộ phận liên quan để đảm bảo sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm; tổ chức tổng hợp phân tích đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh theo từng tháng.

Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hoạt động của lĩnh vực kỹ thuật, chất lượng và bảo hộ lao động, được thay mặt Giám đốc khi Giám đốc uỷ quyền. Nhiệm vụ chủ yếu là: Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý kỹ thuật; tổ chức xây dựng kế hoạch kỹ thuật đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; chỉ đạo thực hiện an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường; tổ chức chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe đời sống cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Để chỉ đạo, điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, sự phối hợp giữa Ban Giám đốc với Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn trở nên hết sức cần thiết. Đảng bộ Mỏ tập trung lãnh đạo chính quyền thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn thân thể cho công nhân, viên chức, lao động. Đồng thời Ban Chấp hành Công đoàn Mỏ tham gia có hiệu quả vào công tác sản xuất kinh doanh với những chuyên đề cụ thể; tham gia xây dựng quy chế, quy định về quản lý, tổ chức tốt các phong trào thi đua, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, góp phần tích cực đảm bảo an toàn sản xuất.

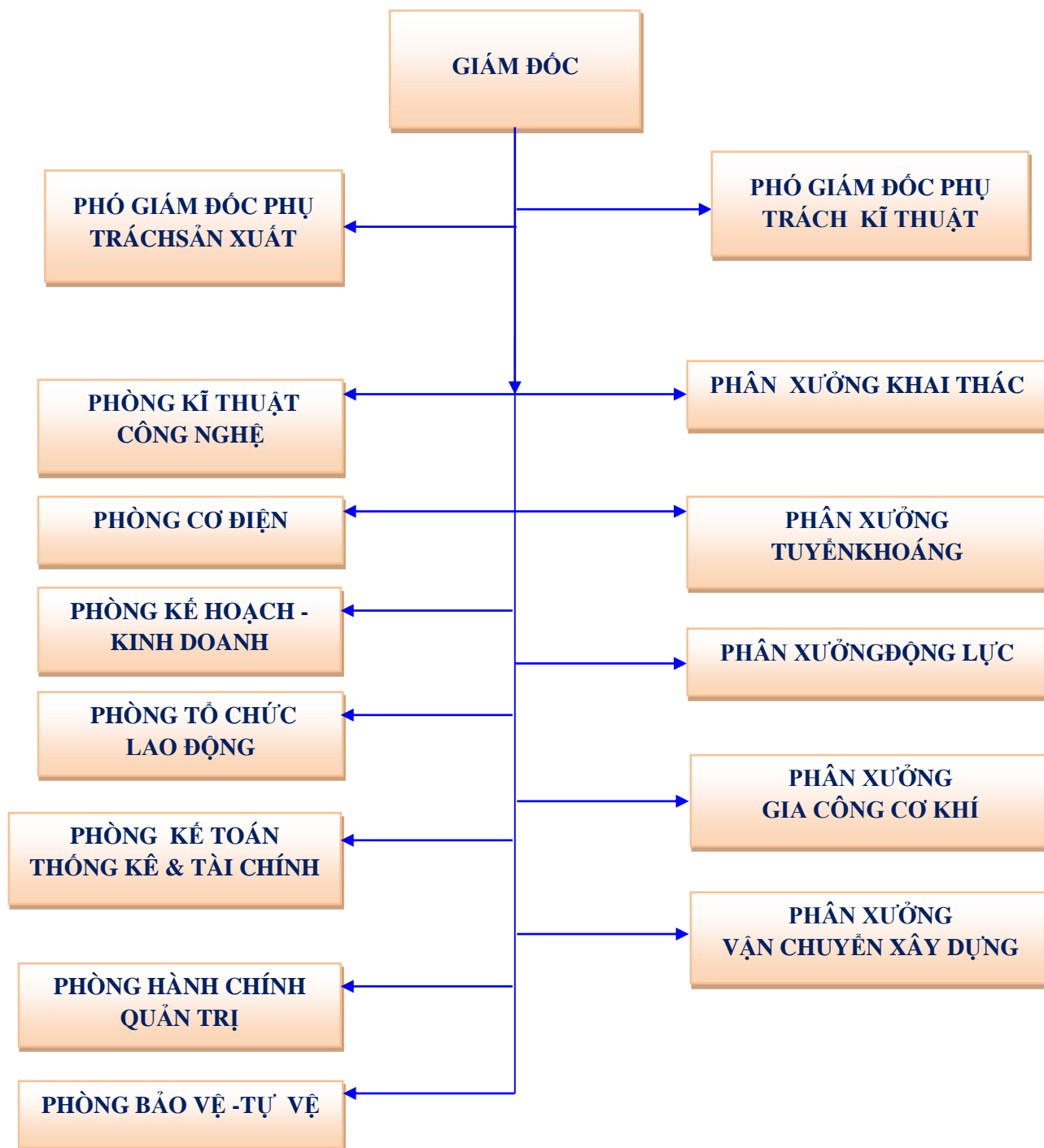
Đoàn Thanh niên có trách nhiệm bám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế, góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị; tổ chức các phong trào: *Thi chọn lao động giỏi; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật*; hoạt động xung kích tình nguyện, công trình việc làm thanh niên, nhất là cuộc vận động *Đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên*. Đoàn Thanh niên đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy làm tốt công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục đoàn viên trở thành đoàn viên ưu tú, giới thiệu cho Đảng để xem xét kết nạp.

Các phòng chức năng gồm có: Kỹ thuật công nghệ, Cơ điện, Kế hoạch - Kinh doanh, Tổ chức lao động, Kế toán - Thống kê và Tài chính, Hành chính - Quản trị, Bảo vệ - Tự vệ. Các phòng có những chức năng, nhiệm vụ khác nhau:

Phòng Kỹ thuật công nghệ phụ trách về kỹ thuật khai thác mỏ, tuyển khoáng, xây dựng mỏ và các định mức kinh tế kỹ thuật, quản lý tài nguyên, quản lý quặng; theo dõi công tác bảo hộ lao động, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện quy trình an toàn, có biện pháp hạn chế tai nạn.

Phòng Cơ điện có chức năng quản lý thiết bị ở các phân xưởng sản xuất. Nhiệm vụ chủ yếu là lập kế hoạch và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc sửa chữa thường xuyên cũng như sửa chữa định kỳ đối với thiết bị thuộc dây chuyền tuyển khoáng, khai thác, gia công cơ khí, các thiết bị điện...; lập kế hoạch mua sắm bổ sung, đảm bảo cho quá trình khai thác, sản xuất được diễn ra liên tục, tránh tình trạng ngừng hoạt động do sự cố về thiết bị.

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng điều hành công tác xây dựng kế hoạch, điều hành mọi hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh. Nhiệm vụ cụ thể là tổ chức xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch các dự toán đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn; quản lý hệ thống kho, kiểm soát việc sử dụng và bảo quản vật tư sản phẩm, xử lý vật tư ứ đọng và kém chất lượng, tài sản được thanh lý.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức mỏ sắt Trại Cau

Phòng Tổ chức lao động có chức năng quản lý điều hành hệ thống viên chức Mỏ sắt Trại Cau. Nhiệm vụ cụ thể là quản lý công tác tổ chức nhân sự, chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua, khen thưởng và kỉ luật của Mỏ.

Phòng Kế toán - Thống kê và Tài chính có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn như thống kê tổng hợp, tài chính kế toán, tổng hợp số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; lập báo cáo quyết toán hằng tháng, quý, năm; đồng thời tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm tháng, quý, năm, đảm bảo tính trung thực, chính xác và đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Nhà nước và đơn vị.

Phòng Hành chính - Quản trị có nhiệm vụ giúp việc Ban Giám đốc về công tác công văn giấy tờ, thực hiện các hoạt động tuyên truyền, lễ tân, khánh tiết, chăm sóc sức khỏe công nhân, viên chức, lao động; phục vụ ăn ca và đưa đón cán bộ, công nhân, viên chức đi công tác...

Phòng Bảo vệ - Tự vệ có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và phương án bảo vệ, tự vệ Mỏ; giám sát thực hiện nội quy, quy chế của đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, lao động; bố trí lực lượng lập phương án huấn luyện thường xuyên, trang bị phương tiện, bảo hộ lao động đảm bảo sự an toàn, trật tự trong mọi hoạt động của Mỏ; lập kế hoạch phòng chống cháy nổ.

Mỏ có 5 phân xưởng sản xuất chính: Khai thác, Tuyển khoáng, Động lực, Gia công cơ khí và Vận chuyển xây dựng. Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của từng phân xưởng như sau:

Phân xưởng Khai thác có chức năng, nhiệm vụ chăm lo, bảo dưỡng thường xuyên cho hệ thống thiết bị khai thác, thải đất đá, khoan bắn nổ mìn, khai thác tài nguyên, đảm bảo chất lượng cấp đủ cho nhà máy sản xuất hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao. Phân xưởng còn thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Mỏ, tiến hành công tác bảo vệ môi trường sản xuất cũng như dân sinh của khu Mỏ.

Phân xưởng Tuyển khoáng là đơn vị sản xuất chính của Mỏ với chức năng, nhiệm vụ tuyển rửa, phân loại các cỡ quặng thành phẩm 0-8mm và 8-30mm, đảm bảo sạch, loại bỏ tối đa các loại tạp chất lẫn trong quặng.

Phân xưởng Động lực có chức năng, nhiệm vụ quản lý vận hành hệ thống thiết bị, cụm thiết bị cung cấp điện, hệ thống đường dây cao thế, đường dây hạ thế, sửa chữa từ cấp tiêu tu đến trung đại tu thiết bị điện phục vụ sản xuất của Mỏ.

Phân xưởng Gia công cơ khí có chức năng, nhiệm vụ gia công, chế tạo, phục hồi phụ tùng, các thiết bị dự phòng thay thế phục vụ sửa chữa, thiết bị đáp ứng yêu cầu máy móc, thiết bị nhà máy tuyển khoáng, thiết bị khai thác mỏ.

Phân xưởng Vận chuyển xây dựng (từ năm 2002 là phân xưởng Xe máy) có nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa, vật tư, phụ tùng, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, đời sống của Mỏ; sửa chữa trung, đại tu ô tô, máy gặt. Ngoài ra tùy từng thời kì còn tham gia sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất quặng thủ công.

Như vậy có thể thấy, mô hình tổ chức phân xưởng và các phòng ban đều được bố trí theo nhiệm vụ, chuyên môn riêng để có điều kiện chuyên sâu và phù hợp với năng lực của cán bộ quản lý.

Mỏ sắt Trại Cau phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều vào khâu tổ chức quản lý. Việc chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường đòi hỏi bộ máy quản lý phải năng động, sáng tạo. Ý thức được điều này, Ban Giám đốc Mỏ luôn nêu cao tinh thần đổi mới trong quản lý sản xuất, tinh gọn phòng ban, sắp xếp vị trí việc làm phù hợp đến từng cán bộ, công nhân, tránh tình trạng lãng phí thời gian sản xuất.

Trong những năm đầu đổi mới, quá trình tổ chức điều hành sản xuất xa thực tế, bộ phận điều hành thường ở văn phòng, chưa bám sát vào thực tiễn sản xuất, tình trạng công nhân ở không đúng vị trí phân công còn phổ biến. Những tồn tại đó buộc Mỏ sắt Trại Cau phải đẩy mạnh đổi mới trong công tác quản lý bằng việc ban hành các quy chế sử dụng quản lý thiết bị, nội quy cơ quan, quy chế bảo vệ tài sản của Mỏ, thưởng phạt, đảm bảo nghiêm túc thực hiện quy chế an toàn bảo hộ lao động, quy chế khen thưởng, phương án phân phối lương thưởng lợi nhuận hằng năm.

Trong 10 năm (1986 - 1996) thực hiện đường lối đổi mới, Ban Giám đốc Mỏ sắt Trại Cau luôn coi lực lượng cán bộ, công nhân, viên chức là nhân tố quan trọng hàng đầu, có tính quyết định sự phát triển của Mỏ. Quán triệt đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đề ra và thực hiện Quyết định 176-HĐBT (10/1989) của Hội đồng Bộ trưởng về sắp xếp lại lao động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, Mỏ sắt Trại Cau không chỉ điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức mà còn sắp xếp lại lao động theo hướng rút gọn, lực lượng gián tiếp được tinh giảm. Số lao động không nằm trong dây chuyền chính, nếu đủ điều kiện, Mỏ cho nghỉ chế độ, số còn lại được bố trí công việc một cách thích hợp. Vì thế số công nhân Mỏ từ 1.191 người trong năm 1986, giảm xuống còn 573 người năm 1990. Trong những năm sau đó, số lượng công nhân của Mỏ không có nhiều biến động lớn.

Quan tâm đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, Ban Giám đốc Mỏ thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại cả lí thuyết, tay nghề và nhận thức chính trị để đáp ứng yêu cầu mới. Mỏ đã gửi cán bộ, công nhân đi đào tạo tại các trường và đào tạo lại tại chỗ thông qua đào tạo chuyển nghề. Hằng năm, Mỏ đều cử khoảng 10 cán bộ, công nhân, viên chức theo học các lớp trung cấp, đại học tại chức. Do vậy, nguồn nhân lực của Mỏ có nhiều chuyển biến theo hướng ngày càng nâng cao về chất lượng. Năm 1986, số công nhân có trình độ trung cấp chiếm 5,1%, trình độ cao đẳng - đại học chiếm 3,2%, thợ bậc cao chiếm 32% tổng số công nhân của Mỏ. Đến năm 1996, số công nhân có trình độ trung cấp tăng lên 7,1%, trình độ cao đẳng - đại học là 6,6%, thợ bậc cao chiếm 46,2% [12, tr.8]. Như vậy có thể nhận thấy số lượng cán bộ, công nhân, viên chức của Mỏ có trình độ từ trung cấp trở lên không ngừng tăng và giảm dần số công nhân, lao động phổ thông.

Ngoài việc mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo lại, Ban Giám đốc và các đoàn thể thường xuyên phát động các phong trào thi đua “*Lao động giỏi*”, “*Lao động sáng tạo*”, “*Luyện tay nghề, rèn tác phong*” trong công nhân, viên chức, lao

động; đồng thời tổ chức cuộc thi nâng bậc hằng năm theo niên hạn của từng bậc. Thông qua những biện pháp này, trình độ tay nghề của đội ngũ công nhân Mỏ từng bước được nâng lên.

Sự thay đổi cơ cấu đội ngũ công nhân như trên tuy mới là bước đầu, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đặt cơ sở cho sự phát triển của Mỏ sắt Trại Cau trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa những năm tiếp theo.

2.2.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Thời gian đầu khi mới chuyển đổi từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Mỏ sắt Trại Cau cùng với Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn, lúng túng: Sản xuất chưa phát triển, lực lượng lao động quá đông (năm 1989 toàn Xí nghiệp có 14.810 lao động), thiếu việc làm. Trong điều kiện ấy, Xí nghiệp từng bước phân cấp mở rộng sản xuất cho các đơn vị thành viên, sắp xếp lại sản xuất và tổ chức bộ máy, rút gọn đầu mối, giảm tỉ lệ lao động gián tiếp, phân bổ lao động hợp lí giữa các khu vực; khuyến khích sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và các mặt hàng mới có giá trị cao.

Theo hướng chỉ đạo của Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên, thời kì này Mỏ sắt Trại Cau tích cực tổ chức sắp xếp lại đội ngũ, tinh giảm biên chế; chú trọng vấn đề chất lượng sản phẩm; bảo quản, sử dụng và giữ gìn máy móc thiết bị; gắn quyền lợi, trách nhiệm của người lao động với yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm, năng lực làm việc, hiệu quả công tác.

Để có thể mở rộng quy mô, nâng cao năng suất lao động và chất lượng quặng khai thác phải có trang thiết bị kĩ thuật thích hợp. Trong những năm đầu đổi mới, Mỏ gặp rất nhiều khó khăn, thiết bị lao động cũ nát, hư hỏng, không được Nhà nước bao cấp mà phải tự hạch toán, cân đối thu - chi. Vấn đề thiết bị vẫn được Lãnh đạo Mỏ quan tâm nhưng do nguồn vốn hạn hẹp, không có điều kiện mua mới, nên chỉ có thể trung tu, sửa chữa và sử dụng thiết bị cũ. Bên cạnh

đó, Mỏ đã chủ động tổ chức sản xuất các sản phẩm khác, như sản xuất ngói xi măng (1987 - 1990); sản xuất thép cán nhỏ (1987 - 1992) để mọi người có thêm việc làm, có thu nhập, đảm bảo đời sống. Đặc biệt, Mỏ đã liên kết với Viện Khoa học công nghệ mỏ nghiên cứu sản xuất thành công bột Manhêtit siêu mịn từ bột thô để cung cấp cho ngành Than. Ngày 9/6/1995, Mỏ chính thức khánh thành dây chuyền sản xuất bột siêu mịn.

Cùng với những thay đổi trong nhận thức, cơ chế quản lý công nghiệp được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (1986), sau 5 năm thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội và chủ trương của Đảng (1986 - 1990), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn tiếp diễn, đã tác động không nhỏ đến ngành Công nghiệp nặng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991) của Đảng, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước được đẩy mạnh. Tại Hội nghị lần thứ 7 (tháng 7/1994), Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã thông qua nghị quyết về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hội nghị xác định phát triển công nghiệp, công nghệ là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước, đồng thời đề ra chủ trương phát triển công nghiệp đến năm 2000. Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững độc lập tự chủ, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản, khoa học công nghệ làm nền tảng, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn.

Từ năm 1986 đến năm 1996, tổng sản lượng các sản phẩm Mỏ đã thực hiện được như sau:

**Bảng 2.1. Tổng sản lượng các sản phẩm của Mỏ trong
giai đoạn 1986 - 1996**

Sản phẩm	Tổng sản lượng
Quặng sạch	698.173 tấn
Bột quặng Manhêtit thô	11.896 tấn
Bột quặng Manhêtit siêu mịn	1.242 tấn
Vàng sa khoáng	2.545,105 gam
Thép cán nhỏ (φ 6)	336,736 tấn
Ngói xi măng	412.030 viên

(Nguồn: Kỉ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau (1963 - 2013) và Báo cáo một số chỉ tiêu về thực hiện nhiệm vụ từ năm 1996 đến 2000)

Thu nhập bình quân cả thời kì này đạt 379.005 đồng/người/tháng (tương đương 151,6 kg gạo). Với những nỗ lực và thành tích đạt được, năm 1998 Mỏ sắt Trại Cau được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Hai* (theo Quyết định số 416 KT/CT do Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã kí).

Những kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh thời kì 1986 - 1996 không tách rời vai trò của các tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng trong Mỏ sắt Trại Cau.

Công tác xây dựng Đảng thường xuyên được Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau quan tâm trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, coi đây là nhân tố hàng đầu đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Việc giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ lí luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ đảng viên, công nhân, viên chức được coi trọng. Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được gắn với giáo dục truyền thống công nhân mỏ, công nhân gang thép. Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên mở các lớp học tập nghị quyết Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, báo cáo tình hình thời sự quốc tế và trong nước. Các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công nhân được tổ chức đều đặn hàng năm. Nhờ đó, trình độ của công nhân

Mỏ được nâng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bước vào thời kì đổi mới đất nước, trên cơ sở nhiệm vụ được Đảng ủy, Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên giao hằng năm, Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau đã cụ thể hóa thành nghị quyết hằng tháng, quý, năm... Các chi bộ và Đảng bộ Mỏ đã lãnh đạo thực hiện có hiệu quả việc sản xuất, kinh doanh và bảo đảm ổn định đời sống cho cán bộ, công nhân, viên chức. Đảng bộ Mỏ đã bám sát tình hình thực tế, khai thác và phát huy tốt tiềm năng sẵn có về con người, thiết bị, tài nguyên..., nên trong 10 năm đầu đổi mới, tuy có lúc giảm sút, song Mỏ sắt Trại Cau vẫn duy trì được sản xuất ổn định. Sản lượng quặng sắt tăng trên 10% mỗi năm, thu nhập của cán bộ, công nhân, viên chức cũng đều tăng qua từng năm.

Để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tạo đủ việc làm cho người lao động, Đảng bộ Mỏ chủ trương đa dạng hóa sản phẩm từ quặng sắt, cử cán bộ đi tìm hiểu thị trường, mở rộng thị trường tiêu thụ quặng sắt tới các nhà máy xi măng làm chất trợ dung; hợp tác với các cơ quan khoa học, đầu tư, nghiên cứu và sản xuất thành công bột Manhêtit mịn và siêu mịn để cung cấp cho công nghệ tuyển than ở Quảng Ninh và dùng trong việc chế tạo vật liệu trong ngành Bưu điện (sản phẩm này trước đây phải nhập ngoại). Bên cạnh đó, Đảng bộ đã phát huy và khai thác tiềm năng sẵn có, đó là năng lực thiết bị cơ khí và tay nghề của công nhân viên. Trong thời kì này, cán bộ, công nhân viên đã tự chế tạo phần lớn phụ tùng thiết bị cho việc thay thế, sửa chữa thiết bị của Mỏ, đại tu các thiết bị lớn mà trước đó phải thuê ngoài.

Quá trình phát triển Mỏ sắt Trại Cau gắn liền với phát triển của phong trào công nhân, viên chức và hoạt động Công đoàn cơ sở. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Mỏ, Công đoàn luôn làm tốt chức năng là một tổ chức đại diện, chăm lo bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công nhân, viên chức và lao động. Công đoàn đứng ra tổ chức, phát động các phong trào thi đua, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên và công nhân, viên chức, lao động tham

gia. Trong đó đáng chú ý là *Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất*; bình quân mỗi năm có trên 150 đề tài làm lợi cho Nhà nước hàng chục tỉ đồng [41, tr.24]. Nhiều đề tài có giá trị lớn về kinh tế và công nghệ, như chế tạo bánh răng côn xoắn, chế tạo gầu nâng, sàng rung, tận dụng quặng cám làm bột quặng huyền phù (thô và siêu mịn), cải tiến xe tải thành xe téc tưới nước chống bụi... Phong trào thi đua giành danh hiệu *Lao động giỏi* được đông đảo công nhân, lao động hưởng ứng; mỗi năm có trên 70% số lao động và trên 65% tập thể đạt danh hiệu *Lao động giỏi*, v.v...

Ngoài việc duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao, hằng năm Công đoàn còn tổ chức cho cán bộ, công nhân, viên chức và lao động đi tham quan, nghỉ mát du lịch.... Những hoạt động đó góp phần động viên công nhân, viên chức, lao động thêm gắn bó với Mỏ, yên tâm, phấn khởi vượt mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên Mỏ sắt Trại Cau là một tổ chức chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tập hợp những cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trẻ tuổi. Đoàn Thanh niên Mỏ luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt cho đoàn viên, thanh niên, đặc biệt là nâng cao nhận thức của đoàn viên trước yêu cầu nhiệm vụ mới; xây dựng lối sống, tác phong công nghiệp, lập thân lập nghiệp ngay tại đất Mỏ. Một trong những nội dung nổi bật của Đoàn Thanh niên Mỏ sắt Trại Cau là phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thi chọn *Lao động giỏi*. Hoạt động của Đoàn Thanh niên đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Mỏ.

Mặc dù sản xuất kinh doanh ngày càng có hiệu quả, nhưng tốc độ khai thác của Mỏ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của Xí nghiệp, chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ. Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo, Mỏ vẫn tiếp tục đổi mới lại cơ chế quản lý, tổ chức lại sản xuất và đội ngũ công nhân, chủ động nắm bắt tình hình Xí nghiệp và những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để

hành động cho phù hợp với sự phát triển chung của đất nước.

2.3. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau từ năm 1997 đến năm 2016

2.3.1. Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Đảng

Tháng 6 năm 1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới đất nước. Đại hội đã nhìn lại tình hình đất nước sau 10 năm đổi mới và đưa ra nhận định: Nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được quan niệm như sau: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội; từ sử dụng sức lao động thủ công là chính, sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Tại Đại hội VIII, Đảng ta đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 nước ta sẽ trở thành “*Một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại*”. Đại hội đã điều chỉnh chính sách công nghiệp hóa theo hướng lấy nông nghiệp làm khâu đột phá, coi nông nghiệp kết hợp với công nghiệp chế biến là mặt trận hàng đầu; tiếp tục thực hiện rộng rãi hơn chính sách mở cửa, phát triển kinh tế nhiều thành phần, nâng cao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp; gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực, lấy nguồn lực con người làm yếu tố trung tâm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, quan điểm của Đảng về công nghiệp nặng cũng đã được nêu rõ là tận dụng năng lực hiện có của các ngành công nghiệp nặng, chú trọng đầu tư chiều sâu, cải tạo, đồng bộ hoá, trang bị thêm và mở rộng để nâng cao năng lực sản xuất.

Tại các Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006), Đảng ta tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới trong tư duy về công nghiệp hóa: Con đường công nghiệp hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành công nghiệp hóa trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

Quán triệt và thống nhất nhận thức về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà các Đại hội của Đảng đã xác định là cơ sở để Công ty Gang thép Thái Nguyên nói chung, Mỏ sắt Trại Cau nói riêng xây dựng niềm tin, chỉ đạo thực tiễn, nắm bắt thời cơ, lợi thế, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống để bước vào một thời kì phát triển mới.

2.3.2. Hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau (1997 - 2016)

Thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng khóa VIII, Công ty Gang thép Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, cơ cấu lại tổ chức để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những bước phát triển đáng kể. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 1999 của Công ty bước đầu đã có lãi, có tác dụng cổ vũ lòng tin của đội ngũ công nhân vào sự nghiệp sản xuất gang thép, tạo điều kiện để Nhà nước có kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất gang thép theo công nghệ truyền thống. Những năm tiếp theo, Mỏ sắt Trại Cau được đầu tư khai thác mỏ Núi Đ.

Ngày 20/10/1999, công trình đầu tiên của Dự án khai thác mỏ Núi Đ (sửa chữa nhà kho ga 45) được khởi công. Thiết bị khai thác được bổ sung mới gồm: 3 máy xúc thủy lực, 4 xe ô tô Kpaz và 2 máy gạt 171 mã lực. Từ đây, không khí sản xuất trên các khai trường có chuyển biến rõ rệt. Toàn mỏ đã hoàn thành 101,6% kế hoạch Công ty giao. Công nhân, viên chức có đủ việc làm, thu nhập

bình quân đạt 678,022 đồng/người/tháng [42, tr.8].

Ngày 16/2/2000, Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã kí *Hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật về Cải tạo kỹ thuật Công ty Gang thép Thái Nguyên* giai đoạn I.

Ngày 9/9/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 860/QĐ-TTg phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên giai đoạn I, với tổng mức đầu tư là 650 tỉ 858 triệu đồng.

Được sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành hai nước, Dự án đã được khởi công vào ngày 21/11/2000, mở ra một thời kì mới cho sự nghiệp sản xuất ở Công ty Gang thép Thái Nguyên. Sản lượng thép trong năm 2000 của Công ty đạt 166.217 tấn, vượt mức kế hoạch đề ra 7%, tăng 46.802 tấn so với năm 1999. Số lao động bình quân toàn Công ty là 11.200 người, thu nhập bình quân đạt 880.000 đồng/người/tháng, tăng 116.874 đồng so với năm 1999. Hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty lãi trên 10,1 tỉ đồng, tăng 2,85 tỉ đồng so với năm 1999 [42, tr.9].

Hòa chung với kết quả của toàn Công ty, Mỏ sắt Trại Cau được đầu tư cải tạo bổ sung dây chuyền công nghệ tuyển khoáng. Trong năm 2000, việc mở hào cơ bản mỏ Núi Đ đã được thực hiện, dự án khai thác tầng sâu mỏ Thác Lặc 3 tiếp tục được thiết kế. Các thiết bị khai thác theo các dự án được bổ sung. Ngày 19/12/2000, Dự án đầu tư mở rộng dây chuyền công nghệ tuyển khoáng được khởi công. Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau.

Bảng 2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Mỏ từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	Giá trị sản xuất công nghiệp (triệu đồng)	Sản lượng quặng tinh (tấn)	Khối lượng đất đá thải (m³)	Tổng doanh thu (triệu đồng)
1997	13 732,1	101 672	38 853	12 392,1
1998	9 669,8	87 771	27 174	12 238,9
1999	9 308,4	80 101	25 487	10 612,5
2000	14 609	124 090	37 470	14 885,6
2001	15 877,4	126 925	85 292	17 558,3
2002	29 471	195 403	220 463	18 985,7
2003	40 212	271 000	298 560	30 221,4
2004	42 376,2	282 508	406 114	40 553,7
2005	39 214,8	261 432	741 368	49 445,8
2006	27 294,1	181 961	769 180	45 252,1
2007	28 533,4	190 223	783 056	63 919
2008	30 687,7	186 834	485 380	72 446,5
2009	24 946,9	146 860	394 220	62 621,3
2010	22 580,8	150 539	168 500	18 288
2011	22 151,1	147 674	227 000	51 789,9
2012	24 088,6	160 591	197 551	75 806,4
2013	17 580,7	117 205	81 259	159 644,5
2014	22 972	153 147	345 880	105 592,2
2015	18 679	124 526	411 181	120 334,2
2016	19 044,6	126 964	653 492	69 770,9

(Nguồn: Báo cáo một số chỉ tiêu về thực hiện nhiệm vụ từ năm 1996 đến 2000 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, XXII, XXIII)

Nhìn vào kết quả sản xuất kinh doanh của Mỏ ở bảng thống kê có thể nhận thấy: Từ năm 1996 đến năm 2016, tổng doanh thu của Mỏ hầu hết đều tăng; giá

trị sản xuất công nghiệp và sản lượng quặng khai thác đều duy trì ở mức cao. Tuy nhiên trong thời kì này, do tác động của nhiều yếu tố, hoạt động của Mỏ đã có những chuyển biến cụ thể như sau:

Năm 2001, năm đầu tiên của thế kỉ XXI, đội ngũ công nhân, viên chức của Mỏ sắt Trại Cau vô cùng phấn khởi đón nhận nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Mỏ lần thứ XIX (tháng 9/2000), cán bộ, công nhân đã tích cực phấn đấu tăng năng suất lao động, thực hiện triệt để tiết kiệm, giảm được giá thành Công ty giao từ 2% đến 5%.

Để chuẩn bị nguyên liệu quặng sắt có chất lượng cao, Mỏ sắt Trại Cau được giao nhiệm vụ thiết kế khai thác mỏ Hàm Chim, với tổng giá trị đầu tư ban đầu là 10 tỉ 311 triệu đồng. Ngày 16/6/2001, Chính phủ có Quyết định số 782/QĐ-TTg thu hồi 129.250 m² đất ở khu vực mỏ Hàm Chim để khai thác quặng sắt. Trong quá trình lập và triển khai phương án đền bù, giải phóng mặt bằng tuy gặp một số khó khăn phát sinh ngoài dự án, nhưng Mỏ đã phối hợp với địa phương giải quyết thỏa đáng, nhất là việc xác định địa điểm tạo mặt bằng khu tái định cư cho số hộ phải di chuyển chỗ ở để trả đất cho Nhà nước. Mỏ đã hỗ trợ 80 triệu đồng và nhiều ca máy để bốc xúc vận chuyển hơn 10 vạn mét khối đất để tạo mặt bằng xây Trường Tiểu học Trại Cau (phân hiệu 2) và nhà ở của các hộ dân phải di dời. Trong một thời gian (6 tháng), Mỏ đã hoàn chỉnh việc đền bù để giải phóng mặt bằng, đưa mỏ Hàm Chim vào xây dựng cơ bản vào quý 4 năm 2001.

Ngày 9/7/2001, chuyên gia và công nhân Trung Quốc bắt đầu lắp đặt thiết bị Dự án cải tạo bổ sung công nghệ tuyển khoáng. Ngày 25/8/2001, nghiệm thu các công trình cải tạo bổ sung công nghệ tuyển khoáng.

Trong năm 2001, Mỏ sắt Trại Cau được Công ty Gang thép Thái Nguyên cho phép đã thiết kế thi công xây dựng hoàn chỉnh nhà điều trị Trạm xá xã Nam Hòa, công trình của tập thể cán bộ công nhân Mỏ tặng nhân dân xã Nam Hòa trị giá trên 25 triệu đồng.

Năm 2002, tình hình khai thác, chế biến, vận chuyển quặng sắt trái phép xung quanh khu vực Trại Cau tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp. Nhiều vấn đề bức xúc đặt ra đòi hỏi Mỏ phải tích cực giải quyết, như phương án đóng cửa Mỏ ở một số khu vực đã khai thác xong; giải pháp làm sạch môi trường, đặc biệt là nước thải công nghiệp; xây dựng mối quan hệ với nhân dân ở xung quanh các mỏ mới khai thác để bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản của Nhà nước...

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, trong Dự án cải tạo phát triển sản xuất gang thép, Mỏ đã cải tạo và mở rộng dây chuyền sản xuất tuyển khoáng. Toàn thể cán bộ, công nhân viên Mỏ sắt Trại Cau rất phấn khởi thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc giao cho, đã cùng công nhân và chuyên gia Trung Quốc tiến hành thi công lắp đặt thiết bị, đưa vào sản xuất thử theo yêu cầu đề ra.

Tháng 7/2002, việc khai thác bắt đầu được triển khai ở mỏ Hàm Chim.

Từ đầu năm 2003, các hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau đã hướng về kỉ niệm 40 năm Ngày truyền thống Công nhân Gang thép (29/11) và Ngày truyền thống Mỏ (16/12). Mục tiêu trước mắt của Mỏ năm 2003 là hoàn thành vượt mức kế hoạch của năm, lập thành tích thiết thực kỉ niệm 40 năm Ngày truyền thống Mỏ. Ban Chỉ đạo Kỉ niệm 40 năm Ngày truyền thống được thành lập và đi vào hoạt động, xây dựng kế hoạch tổng thể kỉ niệm 40 năm Ngày truyền thống Mỏ với quy mô hơn hẳn các lần kỉ niệm trước đó. Các đơn vị đều có Công trình việc làm mang tên kỉ niệm 40 năm. Công trình đầu tư làm sạch quặng ở Nhà máy Tuyển khoáng được triển khai. Dưới sự chỉ đạo của Công ty, Mỏ đã triển khai học tập áp dụng hệ thống quản lí chất lượng quốc tế ISO 9001:2000. Lần đầu tiên, Mỏ tiến hành cải tạo bể sự cố và hồ thu hồi để đảm bảo cấp thoát nước cho Nhà máy Tuyển khoáng trong những năm tiếp theo. Công việc do 2 đơn vị Khai thác và Tuyển khoáng đảm nhận.

Trong thời gian từ năm 2003 trở đi, tình hình khai thác, chế biến vận chuyển quặng sắt trái phép xung quanh khu vực Trại Cau tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là những năm 2005 - 2007. Trước tình hình đó, với trách

nhiệm được Nhà nước giao là bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản quặng sắt, bảo vệ môi trường, bảo vệ trật tự an ninh xã hội ở khu vực, Ban Lãnh đạo Mỏ sắt Trại Cau đã có nhiều buổi làm việc với các cơ quan Nhà nước ở địa phương, huyện, tỉnh đề xin ý kiến phối hợp giải quyết. Nhiều cơ quan báo chí đã viết bài phóng sự về tình hình khai thác, vận chuyển quặng sắt trái phép ở khu vực Trại Cau.

Do được sự đồng tình ủng hộ của các cấp, các ngành từ địa phương đến Trung ương cùng với sự cố gắng của Mỏ nên tình hình khai thác, chế biến, vận chuyển quặng sắt trái phép đã cơ bản được giải quyết, những vấn đề bức xúc đã lần lượt thực hiện song song với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ. Tuy nhiên, tình hình còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp.

Trong những năm 2007 - 2008, tình hình khai thác ở Mỏ sắt Trại Cau có những chuyển biến mới: Năm 2007, xúc tiến thực hiện phương án *Khai thác quặng sắt Tầng sâu Núi Quặng* thuộc tổ 15, thị trấn Trại Cau; đến cuối năm, mỏ Hàm Chim đã khai thác xong và tiến hành đóng cửa mỏ. Tháng 3/2008, khu mỏ tầng 49 Núi Quặng cơ bản khai thác hết quặng Deluvi và tiến hành khai thác tận thu. Cùng năm này, Mỏ xin cấp lại một phần khu mỏ Quang Trung Bắc; thực hiện đề tài *Nâng cao chất lượng quặng tinh Nhà máy Tuyển khoáng*; tham gia chế tạo và lắp đặt thiết bị để nâng cao sản lượng Nhà máy Tuyển khoáng Mỏ Ngườm Cháng - Cao Bằng và mỏ Phúc Ninh - Tuyên Quang.

Trong năm 2008, Công ty Gang thép Thái Nguyên đã thiết kế thi công xây dựng hoàn chỉnh 8 phòng học tại Trường Trung học cơ sở xã Nam Hòa. Đây là công trình thứ 2 của tập thể cán bộ, công nhân Gang thép; trong đó có Mỏ sắt Trại Cau, tặng nhân dân xã Nam Hòa trị giá trên 1,7 tỉ đồng.

Năm 2009 đánh dấu bước ngoặt mới, đó là từ ngày 1/7/2009, cùng với Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Việc triển khai công tác cổ phần hóa theo kế hoạch của Công ty được thực hiện tích cực, bao gồm: Xây dựng, rà soát, bổ sung hoàn

chỉnh các quy chế quy định cho phù hợp với yêu cầu của mô hình quản lý mới, vận động cán bộ, công nhân, viên chức mua 797.400 cổ phần với giá trị là 7.974.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng có một số khó khăn: Một số lượng lớn công nhân viên chức (83 người) nghỉ chế độ hưu trí (theo Nghị định 110 của Chính phủ), lao động trong dây chuyền phải bố trí kiêm nhiệm.

Mặc dù thời gian hoạt động trong mô hình mới còn ít, song Mỏ sắt Trại Cau đã sớm thích nghi với mô hình quản lý mới, tiến hành sắp xếp các đơn vị đầu mối cho gọn nhẹ, hiệu quả. Cụ thể là: Sáp nhập Phân xưởng Gia công cơ khí và Phân xưởng Động lực thành Phân xưởng Cơ điện; sáp nhập Phân xưởng Xe máy vào Phân xưởng Khai thác. Cũng trong năm 2009, Mỏ đã lập phương án, thiết kế thi công và đưa vào sản xuất an toàn khu Tây Thác Lạc 3.

Công tác chuẩn bị cho việc mở rộng sản xuất của Mỏ được triển khai tích cực. Một số nội dung và thủ tục quan trọng trong phương án mở rộng sản xuất tầng sâu Núi Quặng được xúc tiến, bao gồm: Thiết kế mỏ, đánh giá tác động môi trường mỏ, xin cấp đất và thuê công ty tư vấn thiết kế khu tái định cư... Bên cạnh đó, một số dự án đầu tư chiều sâu cũng được tiến hành như: Nghiên cứu và đầu tư thiết bị tận thu quặng 0 - 8 mm qua dòng thải Nhà máy Tuyển khoáng; phương án tận thu quặng tại khu vực tầng 49 Núi Quặng.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2010 - 2015, bên cạnh những khó khăn chung của Công ty, Mỏ sắt Trại Cau còn có những khó khăn riêng. Đó là, công trường Núi Đ chất lượng quặng không đảm bảo nên phải khai thác chọn lọc để đáp ứng yêu cầu về chất lượng của Nhà máy Luyện gang. Thiết bị khai thác, thiết bị Nhà máy Tuyển khoáng qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, giá một số vật tư đầu vào liên tục tăng nên đã đẩy chi phí sản xuất lên cao.

Do yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty giao kế hoạch cho Mỏ được sản xuất với sản lượng thấp hơn 12.000 tấn/tháng, nhằm giảm tồn kho, tránh ứ đọng vốn khiến cho việc làm và thu nhập của cán bộ, công nhân, viên chức, lao động

giảm xuống.

Thực hiện Dự án khai thác tầng sâu Núi Quặng, Mỏ đã chủ động phối hợp cùng với Phòng Đầu tư phát triển Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, các ban, ngành địa phương đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng khu tái định cư, kiểm đếm tài sản, đất đai khu vực tổ 15, thị trấn Trại Cau. Nhờ vậy, chỉ trong thời gian ngắn, việc thực hiện khu tái định cư đã hoàn thành. Việc tổ chức chi trả đền bù khu vực khai trường cũng được tiến hành.

Ngày 15/8/2012, Dự án khai thác tầng sâu Núi Quặng được khởi công. Đến ngày 27/12/2012, Mỏ bắt đầu tiến hành việc xây dựng cơ bản kết hợp lấy quặng tại công trường. Với những thành tích này, cán bộ, công nhân, viên chức và lao động Mỏ sắt Trại Cau đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Từ năm 2013, song song với việc thực hiện Dự án tầng sâu Núi Quặng, Mỏ sắt Trại Cau tiến hành làm các thủ tục đóng cửa mỏ đối với Công trường Quang Trung, trả lại đất cho địa phương quản lý; triển khai nạo vét Đập Quặng Đuôi để đảm bảo sản xuất của Mỏ được ổn định; tiến hành việc sửa chữa lớn Nhà máy Tuyển khoáng. Trong thời gian này, Mỏ đã đáp ứng đầy đủ, kịp thời về số lượng, chủng loại cũng như về chất lượng quặng sắt theo yêu cầu của Công ty và khách hàng trên cơ sở năng lực thiết bị, điều kiện hiện có. Không những thế, Mỏ còn tiết kiệm được chi phí sản xuất, từ khâu mua vật tư, nguyên liệu đến giảm các chỉ tiêu định mức trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; thải đất đá theo đúng giải pháp kỹ thuật, tạo điều kiện khai thác lâu dài.

Trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ được duy trì và có hiệu quả, tác động tích cực đến đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, lao động. Thu nhập bình quân hàng năm của công nhân đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, các chế độ cho người lao động được thực hiện theo đúng thoả ước lao động tập thể đã ban hành. Điều này được chứng minh qua kết quả đóng góp cho ngân sách Nhà nước của Mỏ và thu nhập bình quân của công nhân qua các năm.

Bảng 2.3. Kết quả đóng góp cho ngân sách Nhà nước và thu nhập

bình quân của công nhân từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	Nộp ngân sách Nhà nước (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1997	817,2	687 386
1998	638,1	642 883
1999	689,4	679 463
2000	1 010,6	1 206 000
2001	1 129,8	1 208 000
2002	1 294,7	1 785 000
2003	1 890,2	1 920 000
2004	1 884,2	2 246 000
2005	1 065,6	2 225 230
2006	1 304,1	2 132 280
2007	1 507,5	2 949 720
2008	8 017,1	3 738 720
2009	21 310,3	3 704 500
2010	17 964,2	4 986 000
2011	19 030,3	5 497 000
2012	45 800,1	4 976 000
2013	40 041,6	3 954 000
2014	41 588,6	5 606 000
2015	30 849,1	5 200 000
2016	38 824,7	6 800 000

*(Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ
tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, XXII, XXIII)*

Qua bảng trên có thể thấy sự thay đổi rõ rệt về mức đóng góp của Mỏ cho ngân sách Nhà nước và thu nhập bình quân của người lao động nhìn chung theo hướng ngày càng tăng. Việc chăm sóc sức khỏe người lao động, vệ sinh môi

trường mặt bằng được Mỏ quan tâm chu đáo. Hằng năm, Mỏ đều tổ chức cho cán bộ, công nhân, viên chức được nghỉ điều dưỡng, đi tham quan, nghỉ mát. Chế độ bảo hiểm lao động được thực hiện nghiêm túc, số vụ tai nạn lao động giảm xuống mức thấp nhất. Trong 5 năm (2005 - 2010) chỉ xảy ra 1 vụ tai nạn lao động vào năm 2006, từ năm 2007 đến nay Mỏ không để xảy ra tai nạn lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, nhất là trong dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, thu hút đông đảo cán bộ, công nhân, viên chức, lao động tham gia.

Để đạt được kết quả trên, Mỏ sắt Trại Cau đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ trong công tác quản lí, trong đó tập trung vào việc động viên công nhân viên chức - lao động đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lí hóa, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, nắm bắt khai thác tốt công nghệ thiết bị để sản xuất kinh doanh, nhằm đạt năng suất, hiệu quả cao nhất; tiết kiệm các chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Với phong trào thi đua phát huy sáng kiến, mỗi năm cán bộ, công nhân, viên chức có trên 100 phát minh cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất; có từ 1 đến 2 đề tài được áp dụng vào sản xuất làm lợi cho Nhà nước hàng trăm triệu đồng. Trong số đó, đáng chú ý là các đề tài: “*Nghiên quặng cỡ hạt 30 - 45 mm thành cỡ hạt 0 - 8 và 8 - 30 mm*”, “*Nghiên cứu công nghệ nghiền, tuyển quặng sắt nghèo lẫn nhiều tạp chất cung cấp cho sản xuất gang lò cao*”, “*Làm cabin chống ồn*”,...

Nhiều giải pháp về công nghệ được triển khai thực hiện có hiệu quả như: Khai thác tận thu trên các công trường sau dòng thải; Nghiên cứu, cải tạo và lắp đặt thêm cụm thiết bị nghiền trực để chuyển đổi cỡ hạt sản phẩm theo yêu cầu của Công ty nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong luyện gang... Từ ngày 11/5/2011, thiết bị nghiền trực hoạt động ổn định và nghiền hết số quặng 30-50mm trong ca sản xuất, do vậy sản phẩm của Mỏ hiện nay chỉ còn 2 loại, đó là cỡ 0-8mm và 8-30mm.

Nhiều giải pháp hữu ích khác khác được đề xuất, áp dụng trong sản xuất

mang hiệu quả kinh tế lớn, góp phần tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao. Thông qua hoạt động, nhiều cá nhân, tập thể được nhận danh hiệu *Thợ giỏi, Tập thể giỏi, Chiến sĩ thi đua* các cấp. Nhiều cá nhân vinh dự được nhận *Bằng Lao động sáng tạo* do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng.

Việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý cũng được đẩy mạnh. Từ năm 2009 đến năm 2016, Mỏ sắt Trại Cau đã kết nối Internet tới tất cả các phân xưởng, phòng, ban. Các phần mềm ứng dụng được áp dụng trong công tác quản lý, góp phần tích cực vào việc giảm giá thành sản phẩm. Với tinh thần chịu khó học hỏi, hầu hết cán bộ, công nhân của Mỏ nhanh chóng nắm bắt các tiến bộ khoa học kỹ thuật và thiết bị mới. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản cũng như phối hợp với địa phương để quản lý tài nguyên khoáng trên địa bàn được thực hiện tốt, từ đó đã góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Mỏ sắt Trại Cau với địa phương, giúp cho sản xuất của Mỏ ổn định và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh công tác sản xuất, kinh doanh, Đảng ủy, Ban Giám đốc và các đoàn thể Mỏ sắt Trại Cau luôn động viên cán bộ, công nhân, viên chức tích cực tham gia công tác xã hội, làm từ thiện. Hằng năm, Mỏ đều hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng; xây dựng nhà tình nghĩa, trường học; ủng hộ các quỹ từ thiện... trị giá từ 200 đến 500 triệu đồng.

Tiểu kết chương 2

Trong 30 năm thực hiện đường lối đổi mới và công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước (1986 - 2016), Mỏ sắt Trại Cau đã kịp thời đổi mới về quy mô, lãnh đạo, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Tuy có những lúc gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân, viên chức, lao động, Mỏ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh Công ty giao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, duy trì việc làm, ổn định đời sống cho người lao động. Với những

cố gắng và thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, Mỏ sắt Trại Cau đã được Đảng, Nhà nước, Bộ Công thương và Công ty Gang thép Thái Nguyên... tặng nhiều Bằng khen.

Những thành tích đạt được của tập thể cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trong 30 năm đã khẳng định sự phát triển vững chắc của Mỏ sắt Trại Cau. Cũng nhờ đó, Mỏ đã có những đóng góp lớn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương 3

VAI TRÒ CỦA MỎ SẮT TRẠI CAU

3.1. Đối với sự phát triển kinh tế

3.1.1. Mỏ sắt Trại Cau góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước nói chung và địa phương nói riêng

Ngành Công nghiệp nặng nói chung, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản nói riêng có một vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đến năm 2010, phải vượt qua được tình trạng nước nghèo và kém phát triển, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện mục tiêu này, việc phát triển ngành Công nghiệp khai thác khoáng sản kim loại có vị trí vô cùng quan trọng.

Việt Nam nằm ở vị trí giao nhau của 2 vành đai sinh khoáng: Vành đai Tây Thái Bình Dương và vành đai Địa Trung Hải. Vì vậy, tài nguyên khoáng sản của Việt Nam đa dạng về chủng loại và tương đối phong phú. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều loại khoáng sản được khai thác, chế biến để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và một phần cho xuất khẩu. Hoạt động khai thác khoáng sản từng bước hướng tới gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu lợi nhuận, kinh tế với trách nhiệm bảo vệ môi trường và tài nguyên, an toàn lao động. Ngành Công nghiệp khai khoáng đóng góp GDP mỗi năm khoảng 10% - 11%, thu ngân sách Nhà nước khoảng 25%, về cơ bản đáp ứng kịp thời nguyên liệu (than đá, thiếc, kẽm, sắt, đồng, apatit, v.v...) cho các ngành kinh tế sử dụng nguyên liệu khoáng (nhiệt điện, xi măng, hóa chất, luyện kim...). Công nghiệp khai khoáng đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Việc phát triển ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản là cơ sở để hình thành và thúc đẩy các ngành công nghiệp khác, như công nghiệp luyện kim, công nghiệp hóa chất, phân bón, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, thủy tinh, sành sứ,... Điều đó nói lên tầm quan trọng của ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản đối với nền kinh tế quốc dân. Phát triển ngành Công nghiệp khai khoáng cho phép khai thác và sử dụng các tiềm năng, tài nguyên trong nước phục vụ nhiều lĩnh vực, như cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước, giúp đất nước ít bị lệ thuộc vào các quốc gia khác và đóng góp vào quá trình tích lũy vốn (xuất khẩu). Bên cạnh đó, ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản còn tạo cơ hội có việc làm cho đông đảo đội ngũ những người lao động. Do đó, những đóng góp của ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản nói chung, Mỏ sắt Trại Cau nói riêng, có ý nghĩa lớn đối với sự nghiệp phát triển đất nước.

Mỏ sắt Trại Cau ra đời và hoạt động khi nền kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn. Mỏ đã góp phần không nhỏ vào những bước phát triển của Công ty Gang thép Thái Nguyên. Mỏ nằm trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - tỉnh được xác định là trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng Trung du và Đông Bắc Bắc Bộ, miền đất nối giữa vùng rừng núi Việt Bắc với đồng bằng châu thổ sông Hồng. Mỏ đã tận dụng được vị trí địa lý thuận lợi và nguồn tài nguyên dồi dào của địa phương để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng được yêu cầu của Khu Công nghiệp gang thép Thái Nguyên.

Mỏ sắt Trại Cau là đơn vị kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển ngành Công nghiệp luyện kim nước ta nói chung và Công ty Gang thép Thái Nguyên nói riêng. Hơn 50 năm tồn tại và phát triển, Mỏ sắt Trại Cau đã trải qua nhiều khó khăn, biến cố thăng trầm nhưng cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Là một đơn vị thành viên của Công ty Gang thép Thái Nguyên - cái nôi đầu tiên của ngành

Công nghiệp nặng nước nhà, Mỏ sắt Trại Cau đã thường xuyên đổi mới công nghệ, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện tiết kiệm, tăng năng suất lao động. Những đóng góp của Mỏ được thể hiện ở sản lượng hằng năm đều đáp ứng đủ yêu cầu nguyên liệu cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Là một trong những nhà máy tuyển quặng sắt đầu tiên của cả nước, với công nghệ hiện đại lúc bấy giờ, Mỏ sắt Trại Cau ra đời nhằm phục vụ cho khu Công nghiệp Luyện kim đầu tiên của cả nước. Trong những năm đầu đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và trong hoàn cảnh có chiến tranh, Mỏ sắt Trại Cau vẫn duy trì ổn định sản xuất. Tính đến năm 1985, Mỏ đã bóc thải hàng triệu mét khối đất đá, khai thác được 556.941 tấn quặng cung cấp cho lò cao luyện ra gang thép, đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới đất nước của Đảng, Mỏ sắt Trại Cau đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ thuận lợi để tiếp tục phát triển. Trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, với sự nỗ lực sáng tạo không ngừng của đội ngũ cán bộ, công nhân, Mỏ đã khẳng định vai trò của mình, tiếp tục đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong 10 năm đầu thực hiện đổi mới, Mỏ sắt Trại Cau đã khai thác được 698.173 tấn quặng, đáp ứng đầy đủ nguyên liệu cho Công ty.

Từ năm 1997 đến năm 2016, khi đất nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là khi chuyển sang mô hình cổ phần, Mỏ sắt Trại Cau tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, đảm bảo sản lượng quặng để cung cấp cho Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Ngoài ra, Mỏ còn sản xuất hàng chục ngàn tấn bột Manhêtit cho công nghệ tuyển than và hàng trăm ngàn mét khối đá xây dựng, nộp ngân sách Nhà nước hàng chục tỉ đồng mỗi năm. Tính chung từ năm 1997 đến năm 2016, Mỏ đã cung cấp được cho Công ty 3.217.426 tấn quặng, đóng góp vào ngân sách Nhà nước 276,657 tỉ đồng. Những thành tích đó đã viết tiếp những trang sử vẻ vang của Mỏ sắt Trại Cau cũng như đóng góp vào sự phát triển của ngành Luyện kim Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói

chung.

Những điều trình bày trên đây chứng tỏ Mỏ sắt Trại Cau có vị trí - vai trò quan trọng đối với ngành Công nghiệp luyện kim của đất nước. Mặc dù quy mô không lớn, song Mỏ sắt Trại Cau đã khẳng định được vị thế của mình, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước.

Đối với việc phát triển kinh tế địa phương, Mỏ sắt Trại Cau luôn có những đóng góp quan trọng. Sự ra đời của công trường Mỏ sắt Trại Cau đã tạo nên diện mạo mới, tạo ra bước ngoặt trong quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Kể từ khi thành lập Mỏ sắt Trại Cau, cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống đường giao thông, trường học, trạm y tế, điện thắp sáng, v.v... trong khu vực được xây dựng và mở rộng. Vóc dáng Thị trấn Công nghiệp đã hình thành và phát triển.

Cùng với việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực, Mỏ sắt Trại Cau còn tích cực hỗ trợ cho nông nghiệp địa phương phát triển. Bằng nguồn kinh phí của Nhà nước và đóng góp của địa phương, trong đó có một phần đóng góp của cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau, hồ chứa nước nhân tạo được xây dựng ở xóm Chí Sơn xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ. Hồ có diện tích mặt nước khoảng 8 ha, dung tích 100.000 m³, kênh chính dài 1,5 km, cung cấp nguồn nước cho 60 ha ruộng lúa [7, tr 162]; đồng thời là nguồn cung cấp thủy sản, điều tiết độ ẩm và tạo môi trường sinh thái trong khu vực. Hệ thống kênh mương tưới, tiêu của xóm Trại Cau xã Cây Thị (huyện Đồng Hỷ) và hệ thống kênh mương dẫn nước từ đập Tân Khánh thuộc địa phận xã Tân Khánh (huyện Phú Bình)... cũng có một phần kinh phí đóng góp của Mỏ sắt Trại Cau. Nhờ có các hệ thống kênh mương này, những thửa ruộng cần cỗi của cư dân địa phương đã trở thành ruộng cấy lúa 2 vụ/năm.

Trong những năm gần đây, tuy còn nhiều khó khăn, song Mỏ sắt Trại Cau vẫn tiếp tục có những đóng góp tích cực giúp cho kinh tế địa phương phát triển. Tiêu biểu là một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Nam Hoà, xã Cây Thị đã được xây dựng từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường của Mỏ.

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh nằm trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, hoạt động của Mỏ sắt Trại Cau đã đóng góp lớn vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách cho địa phương. Mỏ sắt Trại Cau là một trong những đơn vị đóng thuế và nộp ngân sách lớn nhất của huyện. Riêng năm 2016, Mỏ đã nộp ngân sách gần 39 tỉ đồng. Sự đóng góp của Mỏ sắt Trại Cau là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát triển.

Đóng góp của Mỏ sắt Trại Cau và các ngành kinh tế khác đã tạo thế và lực để Thái Nguyên tiếp tục phát triển: “... sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc về phát triển công nghiệp, dịch vụ, y tế và giáo dục - đào tạo”, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (10/2015).

Có thể khẳng định, trong hơn 50 năm hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mỏ sắt Trại Cau đã góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Đặc biệt, hoạt động của Mỏ là nhân tố quan trọng hàng đầu dẫn đến sự thành lập và phát triển của thị trấn Trại Cau.

3.1.2. Mỏ sắt Trại Cau góp phần làm chuyển biến cơ cấu kinh tế trong khu vực

Khu vực Trại Cau là một vùng trung du miền núi thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi Mỏ sắt Trại Cau được thành lập, khu vực này có nền kinh tế thuần nông. Trong nông nghiệp, cây lương thực (bao gồm lúa và hoa màu) chiếm vị trí hàng đầu, kế đến là cây chè. Nhưng do ảnh hưởng của khu vực chứa nhiều điểm quặng sắt, đất đai thuộc dạng bạc màu nên sản xuất nông nghiệp ở đây gặp rất nhiều khó khăn, năng suất không cao. Đời sống nhân dân không ổn định, bình quân lương thực thấp.

Sự ra đời của công trường Mỏ sắt Trại Cau đã từng bước làm thay đổi diện mạo của khu vực, tạo ra bước ngoặt trong quá trình chuyển biến cơ cấu kinh tế

của địa phương. Kể từ khi thành lập Mỏ sắt Trại Cau, cơ sở hạ tầng trong khu vực được xây dựng và mở rộng. Ngoài hoạt động khai thác của Mỏ sắt Trại Cau theo quy mô công nghiệp, để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân và nhân dân địa phương, một số cửa hàng, hợp tác xã được thành lập và đi vào hoạt động như: cửa hàng bách hóa, cửa hàng lương thực, thực phẩm, hợp tác xã trồng rau... . Cơ cấu kinh tế của khu vực đã có sự chuyển đổi rõ rệt, từ cơ cấu kinh tế thuần nông sang cơ cấu *Công nghiệp - Nông, Lâm nghiệp - Dịch vụ*.

Năm 2005, tỉ trọng cơ cấu các ngành của thị trấn Trại Cau có sự chuyển biến hợp lí, trong đó công nghiệp chiếm 66,2% cơ cấu kinh tế, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 24,9%, nông - lâm nghiệp chiếm 8,9% [6, tr 147]. Như vậy có thể thấy, dưới tác động của Mỏ sắt Trại Cau, cơ cấu kinh tế của khu vực đã được chuyển đổi theo hướng hiện đại hoá, hợp lí và hiệu quả cao. ..

3.2. Đối với sự phát triển xã hội

3.2.1. Mỏ sắt Trại Cau góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động

Ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản luôn giữ vai trò rất quan trọng trong sự phát triển và xây dựng của đất nước ta. Ngành Công nghiệp này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, mà còn góp phần vào việc ổn định tình hình chính trị - xã hội của đất nước. Là một ngành công nghiệp nặng then chốt của Quốc gia, sự phát triển ngành Công nghiệp khai khoáng giúp cho nước ta chủ động, không bị lệ thuộc vào các nước bên ngoài, thúc đẩy các ngành kinh tế sử dụng nguyên liệu khoáng phát triển.

Tác động về mặt xã hội của ngành Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản còn được thể hiện qua những đóng góp của Ngành đối với chính sách an sinh xã hội của đất nước. Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đã tạo công ăn việc làm cho hàng chục vạn lao động. Ngoài số lao động được sử dụng trực tiếp trong các đơn vị khai thác, Ngành còn gián tiếp tạo thêm việc làm dịch

vụ, phục vụ cho lao động tại địa phương.

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản còn đáp ứng nhu cầu của nhiều ngành công nghiệp quan trọng, như ngành Luyện kim, Xây dựng..., qua đó đã tạo ra những công trình kiến trúc, cầu cống, đường sá ... phục vụ cho các hoạt động văn hóa - xã hội của đất nước. Trong sự đóng góp của ngành Công nghiệp khai khoáng nói chung đối với đời sống văn hoá - xã hội của đất nước, có phần đóng góp không nhỏ của Mỏ sắt Trại Cau.

Cùng với việc duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, Mỏ sắt Trại Cau luôn đặt mục tiêu đảm bảo việc làm, duy trì thu nhập cho công nhân. Đảng ủy và Ban Giám đốc coi đây là mục tiêu hàng đầu trong hoạt động của Mỏ, góp phần vào sự ổn định tình hình chính trị - xã hội của địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Trong thời kì trước đổi mới, Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên giải quyết được việc làm cho hơn 1.000 lao động, trong đó một phần là người địa phương hoặc ở địa phương khác đến an cư lạc nghiệp tại Thái Nguyên. Bước vào thời kì đổi mới, do chủ trương tinh giảm biên chế của Đảng và Nhà nước, số lao động của Mỏ đã giảm xuống. Tuy nhiên, trong 10 năm trở lại đây, Mỏ vẫn tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 300 lao động với thu nhập ổn định ở mức cao. Thu nhập bình quân của người lao động tăng lên nhanh chóng, từ 2,132 triệu đồng/người/tháng (năm 2006), lên 4,986 triệu đồng/người/tháng (năm 2010) và đạt 6,800 triệu đồng/người/tháng (năm 2016). Nhờ có việc làm ổn định, mức lương đảm bảo nên an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững.

3.2.2. Mỏ sắt Trại Cau góp phần làm thay đổi bộ mặt xã hội trong khu vực

Mỏ sắt Trại Cau nằm ở một khu vực bán sơn địa, đồi núi nhấp nhô thuộc khu vực phía Đông Nam của huyện Đồng Hỷ. Trước năm 1959, khi Mỏ sắt Trại Cau chưa được thành lập, dân cư chủ yếu sinh sống trên địa bàn là các dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao. Đồng bào sinh sống rải rác, trình độ dân trí còn thấp. Trên địa bàn chưa có một cơ sở văn hóa, giáo dục và y tế nào.

Từ năm 1959, thực hiện quyết định thành lập công trường Mỏ sắt Trại Cau, nhiều đoàn khảo sát, cán bộ, công nhân viên chức được cử về. Bộ đội chuyên ngành của miền Nam tập kết ra Bắc cùng một số cán bộ, đoàn viên thanh niên xung phong tình nguyện của trên 20 tỉnh, thành khắp cả nước tập trung về Mỏ sống và làm việc. Dân số nơi đây không ngừng tăng lên.

Cùng với số lượng cán bộ, công nhân viên chức tăng lên nhanh chóng, các hoạt động khai thác thủ công, sản xuất bước đầu đi vào hoạt động. Nhiều vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi phải có một đơn vị hành chính Nhà nước nhằm quản lí mọi mặt về đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo pháp luật. Chính vì vậy, ngày 19/10/1962, Chính phủ đã quyết định thành lập đơn vị hành chính mới: Thị trấn Trại Cau. Khi đó, các cán bộ của Mỏ đã được cử ra đảm nhận các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Thị trấn, như Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân... Dân cư thị trấn - cả công nhân viên chức và nhân dân các xóm tạo thành một khối công - nông liên minh cùng đoàn kết xây dựng quê hương mới, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước đề ra.

Sự tồn tại và phát triển Mỏ sắt Trại Cau đã góp phần ổn định, phát triển tình hình văn hóa, xã hội của địa phương.

Ngay từ khi Mỏ sắt Trại Cau được xây dựng và đi vào hoạt động, bộ mặt văn hóa xã hội trên địa bàn đã có sự chuyển biến rõ rệt. Mỏ đã khẩn trương xây dựng các công trình phúc lợi (nhà trẻ, trường cấp I, II và III, bệnh viện). Các cơ sở hạ tầng như đường giao thông nội bộ, hệ thống đường điện sinh hoạt... cũng được hình thành. Ngoài ra, bằng nội lực của mình, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ đã xây dựng một nhà hát 500 ghế ngồi thường xuyên đón các đoàn nghệ thuật về biểu diễn, một rạp chiếu bóng ngoài trời 1.000 ghế ngồi với máy chiếu phim nhựa màn ảnh rộng. Các công trình này đã phát huy tác dụng, phục vụ tốt cho công tác giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, chăm lo đời sống văn hoá tinh thần cho công nhân, viên chức và nhân dân địa phương. Bệnh viện Mỏ với 50

giường bệnh luôn là địa chỉ tin cậy trong khám, chữa bệnh trên địa bàn. Đặc biệt năm 1981, Nhà trẻ Mỏ sắt Trại Cau (nay là Trường Mầm non Trại Cau) được đón nhận *Huân chương Lao động hạng Ba*, phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng.

Bước vào thời kì đổi mới và thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Mỏ sắt Trại Cau vẫn tiếp tục có những đóng góp tích cực giúp cho văn hóa xã hội địa phương phát triển. Tiêu biểu là năm 2001, Mỏ đã thiết kế thi công, xây dựng hoàn chỉnh nhà điều trị Trạm xá xã Nam Hòa trị giá trên 25 triệu đồng. Năm 2008, Công ty Gang thép Thái Nguyên đã xây dựng 8 phòng học tại trường Trung học cơ sở xã Nam Hoà - đây là công trình thứ 2 của tập thể cán bộ công nhân Gang thép, trong đó có Mỏ sắt Trại Cau, tặng nhân dân xã Nam Hoà trị giá trên 1,7 tỉ đồng. Ngoài ra, hằng năm Mỏ đều trích một phần kinh phí bảo vệ môi trường để đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi, công trình văn hóa của thị trấn Trại Cau.

3.2.3. Mỏ sắt Trại Cau tích cực tham gia các hoạt động xã hội của địa phương

Bên cạnh việc duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho người lao động, Mỏ sắt Trại Cau còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội của địa phương, các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Công đoàn Mỏ đã tổ chức các *Hội khuyến học*, đồng thời phối hợp cùng với Đoàn Thanh niên làm tốt công tác trao thưởng cho con em cán bộ, công nhân viên đạt học sinh giỏi, đạt các giải văn hóa cấp Tỉnh, cấp Quốc gia hoặc thi đỗ đại học. Mỏ sắt Trại Cau còn dùng quỹ khuyến học để trao học bổng cho những học sinh xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn của các trường trên địa bàn hoạt động của Mỏ.

Trong công tác đền ơn đáp nghĩa, Mỏ sắt Trại Cau có nhiều đóng góp tích cực. Hằng năm, vào dịp kỉ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12), Lãnh đạo Mỏ tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các thương binh nặng, các gia đình liệt sĩ và cựu chiến binh cư trú trên

địa bàn thị trấn và các xã lân cận. Kinh phí dành cho các hoạt động nói trên trích từ quỹ phúc lợi xã hội của Mỏ và do cán bộ, công nhân, viên chức đóng góp.

Mỏ sắt Trại Cau còn là đơn vị tiên phong và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo của huyện và tỉnh. Trong những hoạt động đó, đáng chú ý là hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa và đóng góp cho các quỹ xã hội. Trong 10 năm (2006 - 2016), Mỏ đã tổ chức xây 10 căn nhà tình nghĩa, nhà mái ấm công đoàn (mức hỗ trợ mỗi căn là từ 20 đến 30 triệu đồng) tặng cho các hộ gia đình nghèo, diện chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về nhà ở thuộc địa bàn các xã Cây Thi, Tân Lợi, Nam Hòa, Linh Sơn và thị trấn Trại Cau. Hằng năm, Mỏ ủng hộ các quỹ “*Vì người nghèo*”, “*Nạn nhân chất độc màu da cam*”, “*Đồng bào bị lũ lụt*”..., với với trị giá từ 200 đến 500 triệu đồng. Đoàn Thanh niên Mỏ còn tham gia các phong trào tình nguyện, hiến máu nhân đạo do Tỉnh Đoàn Thái Nguyên tổ chức hằng năm vào *Tháng Thanh niên*.

3.2.4. Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên quan tâm bảo vệ môi trường

Là một đơn vị khai thác mỏ đặt tại địa bàn của thị trấn Trại Cau và 3 xã Nam Hòa, Cây Thi, Tân Lợi, Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo sức khỏe cho người dân trên địa bàn. Trong hoạt động quản lí môi trường, Mỏ luôn có ý thức tuân thủ các quy định chung liên quan đến bảo vệ môi trường theo *Luật Môi trường*. Cụ thể là: Thực hiện các chương trình kiểm soát ô nhiễm theo định kì, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường... Để giảm tác hại của bụi và tiếng ồn tại các công đoạn khoan, nổ mìn, sàng tuyển, bốc xúc vận chuyển, Mỏ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, như đưa ra lịch trình khai thác vận chuyển hợp lí, giảm mật độ các loại phương tiện vận chuyển trong cùng một thời điểm; sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ, độ ồn thấp; triển khai công tác giảm thiểu bụi đất bằng các biện pháp đơn giản, như tưới nước thường xuyên cho các tuyến đường vận tải chính, tại khu vực bốc xúc... Các ô tô chuyên chở đất đá, quặng của Mỏ đã thực hiện đúng các quy định giao thông chung: Có bạt

che phủ, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường. Để đảm bảo an toàn nền đường và tốc độ lưu thông phương tiện, đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân khu vực, Mỏ đã quy định các xe vận tải không được chở quá tải trọng cho phép đối với từng loại xe và với tính chất cơ lí của nền đường.

Đối với việc xử lí nước thải từ quá trình tuyển rửa, Mỏ sắt Trại Cau sử dụng 3 trạm bơm công suất 2000 m³/h, 1 hồ lắng nước thải dung tích 2.000.000 m³ và 1 hồ chứa bùn thải quặng đuôi có dung tích 150.000 m³. Nước thải phát sinh từ quá trình tuyển rửa sẽ được thu gom vào hồ lắng, sau đó nước thải sau khi lắng được tuần hoàn sử dụng lại, bùn thải phát sinh từ quá trình lắng nước thải tuyển rửa được bơm bằng hệ thống bơm hút bùn sang hồ chứa bùn thải quặng đuôi. Để cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác, Mỏ đã thực hiện biện pháp tốt nhất là trồng cây xanh. Vị trí trồng cây xanh là bao phủ toàn bộ bãi thải. Đặc biệt, Mỏ sắt Trại Cau đang hướng tới xây dựng mô hình Nhà máy - Công viên nhằm tạo dựng môi trường xanh - sạch - đẹp cho khu vực mỏ. Những việc làm đó của Mỏ sắt Trại Cau thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm với địa phương trong việc phát triển môi trường sống lành mạnh, bền vững cho xã hội.

Tuy nhiên, bất cứ hình thức khai thác khoáng sản nào cũng ảnh hưởng tới môi trường. Do đặc thù của khai thác mỏ là một hoạt động công nghiệp không giống các hoạt động công nghiệp khác về nhiều mặt, như phải di dời một khối lượng lớn đất đá ra khỏi lòng đất tạo nên một khoảng trống rất lớn và rất sâu. Một khối lượng lớn chất thải rắn được hình thành do những vật liệu có ích thường chỉ chiếm một phần nhỏ của khối lượng quặng được khai thác, dẫn đến khối lượng đất đá thải vượt khối lượng quặng nằm trong lòng đất. Chất thải rắn, không sử dụng được cho các mục đích khác, đã tạo nên trên bề mặt đất địa hình mấp mô, xen kẽ giữa các hố sâu và các đống đất, đá. Một số diện tích đất xung quanh các bãi thải quặng có thể bị bồi lấp do sạt lở, xói mòn của đất đá từ các bãi thải, gây thoái hoá lớp đất mặt. Sự tích tụ chất thải rắn do tuyển rửa quặng trong các

lòng hồ, kênh mương tưới tiêu có thể làm thay đổi lưu lượng dòng chảy, dung tích chứa nước, biến đổi chất lượng nguồn nước.

Như vậy có thể thấy, do tác động khách quan không mong muốn mà việc khai thác quặng ở Mỏ sắt Trại Cau cũng đã gây ra một vài ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người dân địa phương (gây mất nước sản xuất và sinh hoạt, nứt nhà dân...). Trước những ảnh hưởng đó, ngoài thực hiện các biện pháp bảo vệ và phục hồi môi trường nêu trên, Mỏ sắt Trại Cau còn tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền tỉnh Thái Nguyên, các nhà khoa học trong việc xác định nguyên nhân, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của sụt lún và mất nước, góp phần nhanh chóng giải quyết vấn đề, từ đó ổn định đời sống người dân vùng ảnh hưởng đồng thời tạo điều kiện cho Mỏ yên tâm sản xuất.

Tiểu kết chương 3

Trong hơn 50 năm tồn tại và phát triển, Mỏ sắt Trại Cau đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó được thể hiện ở những đóng góp to lớn của Mỏ đối với sự nghiệp kiến thiết đất nước, nhất là trong thời kì miền Bắc nước ta bắt đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, khi Mỏ sắt Trại Cau đã cung cấp đầy đủ nguyên liệu cho Khu Công nghiệp gang thép Thái Nguyên - cánh chim đầu đàn của ngành Công nghiệp nặng nước ta. Trong thời kì đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Mỏ tiếp tục có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội. Những đóng góp của ngành Luyện kim nói chung và Mỏ sắt Trại Cau nói riêng có tác dụng đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nằm trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau có tác động trực tiếp đến tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài việc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh làm thay đổi diện mạo của Thái Nguyên nói chung và của Đồng Hỷ nói riêng, Mỏ sắt Trại Cau còn trực tiếp tham gia các

công tác xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

KẾT LUẬN

1. Sự ra đời Mỏ sắt Trại Cau xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954), miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó, miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc xâm lược và tay sai, nên vẫn phải tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Yêu cầu của sự nghiệp cách mạng lúc này đòi hỏi miền Bắc phải được củng cố vững chắc để làm chỗ dựa cho cách mạng miền Nam. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, từ sau năm 1954 trở đi, vấn đề phát triển kinh tế, xã hội trở thành một yêu cầu rất cấp bách không chỉ để cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân miền Bắc, mà còn phải chi viện sức người, sức của cho cách mạng giải phóng miền Nam.

Ngành Công nghiệp gang thép có vai trò quan trọng và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền kinh tế, nhất là những nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh và bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội như Việt Nam. Gang thép là nguyên liệu cơ bản của nhiều ngành kinh tế khác, như xây dựng, chế tạo cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng... Nó có vai trò quyết định tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận thức rõ điều này, ngay từ rất sớm, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm, đầu tư cho phát triển ngành Công nghiệp gang thép.

Năm 1959, Thái Nguyên đã được Đảng và Chính phủ chọn để xây dựng Khu Công nghiệp gang thép - cái nôi của ngành Công nghiệp luyện kim Việt Nam. Mỏ sắt Trại Cau cũng được thành lập nhằm cung cấp nguyên liệu cho Khu Công nghiệp Luyện kim đầu tiên của cả nước. Ngày 12/9/1960, Mỏ sắt Trại Cau được khởi công xây dựng trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Sau gần 3 năm xây dựng, đến ngày 16/12/1963, Lễ cắt băng khánh thành Nhà máy tuyển khoáng đã được tổ chức, đánh dấu Mỏ sắt Trại Cau chính thức đi vào hoạt động phục vụ cho ngành Luyện kim đen của đất nước.

Như vậy, chính từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đưa đến sự ra đời của Mỏ sắt Trại Cau.

2. Mỏ sắt Trại Cau ra đời và hoạt động là kết quả của tình hữu nghị hai nước Việt - Trung

Năm 1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước sau này, Việt Nam luôn được Chính phủ và nhân dân Trung Quốc giúp đỡ to lớn về cả vật chất lẫn tinh thần.

Năm 1959, Đảng, Nhà nước ta với sự giúp đỡ của Trung Quốc đã quyết định xây dựng Khu Công nghiệp gang thép Thái Nguyên (trong đó có Mỏ sắt Trại Cau) - một công trình quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước. Ngay từ những ngày đầu khởi công xây dựng, biết bao khó khăn vất vả, nhưng với quyết tâm phấn đấu vươn lên làm chủ thiết bị, làm chủ công trình, khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân Mỏ, dưới sự giúp đỡ tận tình của các chuyên gia Trung Quốc, đến năm 1963 Mỏ sắt Trại Cau chính thức đi vào hoạt động.

Trong những năm đầu hoạt động sản xuất, Mỏ sắt Trại Cau thường xuyên nhận được sự hướng dẫn của các chuyên gia bạn. Các chuyên gia Trung Quốc đã hợp tác chặt chẽ với các kỹ sư và công nhân Việt Nam để trao đổi kinh nghiệm. Những kinh nghiệm, kiến thức và tay nghề được tích lũy của những người tham gia xây dựng Mỏ sắt Trại Cau là điểm tựa vững chắc cho sự phát triển sau này của Mỏ.

Ngành Công nghiệp gang thép nói chung, Mỏ sắt Trại Cau nói riêng tỏ lòng biết ơn đến các thế hệ kỹ sư của Trung Quốc, những người đã không ngại khó khăn gian khổ, gieo mầm cho sự phát triển của Mỏ trong những giai đoạn sau này, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự nghiệp

công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và địa phương. Vì thế, Mỏ sắt Trại Cau là công trình đánh dấu tình hữu nghị hai nước Việt - Trung.

3. Mỏ sắt Trại Cau đã và đang đáp ứng một phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Mỏ sắt Trại Cau là thành viên quan trọng cung cấp nguồn nguyên liệu hàng đầu của Tổng Công ty Gang thép Thái Nguyên. Trải qua hơn 50 năm hoạt động dưới sự quản lý của Nhà nước, Mỏ đã vượt qua bao khó khăn thử thách để ổn định và phát triển về mọi mặt. Là một trong những nhà máy tuyển quặng sắt đầu tiên của cả nước, với công nghệ hiện đại lúc bấy giờ, trong những năm đầu đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Mỏ sắt Trại Cau đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế, nhiều nhà máy, xí nghiệp bị giải thể do không thích nghi được với tình hình mới, song Mỏ sắt Trại Cau không những trụ được mà còn trụ vững nhờ những thành quả đạt được. Doanh thu của Mỏ không ngừng tăng lên. Năm 2000, tổng doanh thu của Mỏ mới đạt hơn 14 tỉ đồng, đến năm 2016 đã đạt gần 70 tỉ đồng. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân theo đó cũng tăng lên rõ rệt. Thực tiễn đó đem lại cho Mỏ một khả năng đầu tư mới, tạo động lực phát triển mạnh mẽ, khẳng định tính ưu việt của phương thức sản xuất mới, khẳng định sự đóng góp thiết thực của Mỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trải qua hơn 30 năm vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tiềm lực phát triển của Mỏ được nhân lên so với trước đổi mới. Cán bộ, công nhân Mỏ đoàn kết, ngày càng phát huy vai trò làm chủ, tính năng động, sáng tạo, không ngừng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chính trị, văn hóa và tay nghề để tiếp thu nền công nghiệp hiện đại. Đó cũng chính là cơ sở để kết hợp chặt chẽ khoa học kỹ thuật hiện đại với công nghệ truyền thống, mạnh dạn áp dụng cái mới vào sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Năm 2009, khi Tổng Công ty Gang thép Thái Nguyên chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần, Mỏ sắt Trại Cau đã chuyển đổi một cách mạnh mẽ cơ cấu tổ chức, hoàn thành nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của Công ty. Mỗi bước đi là một thử thách, song cũng thể hiện tinh thần luôn vượt khó của cán bộ, công nhân, viên chức Mỏ. Mỏ sắt Trại Cau tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm ổn định và thu nhập cho công nhân, viên chức, lao động.

Từ những thành tựu đạt được trong sản xuất kinh doanh, Mỏ sắt Trại Cau có vai trò quan trọng không chỉ trong Ngành mà cả trong và ngoài tỉnh. Sau hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Mỏ đã cung cấp cho Công ty hàng triệu tấn quặng, nộp ngân sách Nhà nước hàng trăm tỉ đồng, góp phần đáng kể thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh và đất nước phát triển. Đặc biệt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ đã giải quyết được việc làm cho hàng trăm lao động ở địa phương và từ nơi khác đến. Với mức thu nhập như hiện nay, công nhân không những tự đảm bảo được cuộc sống cho mình mà còn đảm bảo cuộc sống cho các thành viên khác trong gia đình, tạo nền tảng cho sự phát triển của tỉnh, góp phần thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

4. Những thành tựu và biến đổi của Mỏ sắt Trại Cau khẳng định đường lối đổi mới do Đảng đề ra là đúng đắn; đồng thời thể hiện sự vận dụng sáng tạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc Mỏ trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đề ra, bộ mặt của Mỏ sắt Trại Cau đã có nhiều thay đổi. Điều kiện sinh hoạt, làm việc của công nhân, viên chức, lao động được cải thiện hơn trước; tốc độ sản xuất, kinh doanh trong những năm gần đây có sự tăng trưởng mạnh mẽ; trình độ, năng lực của người lao động được nâng lên phù hợp với những yêu cầu mới. Đời sống vật chất, tinh thần của công nhân ngày càng

cao... Tất cả những thành tựu đạt được không những củng cố lòng tin vào định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa mà còn tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Có được những thành tích trên là do nhiều yếu tố, trong đó có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc. Quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, Đảng ủy và Ban Giám đốc quyết tâm đổi mới cách nghĩ, cách làm; đổi mới cải tiến sinh hoạt Đảng; đổi mới phong cách, phương pháp lãnh đạo; thường xuyên đi sâu, đi sát, kiểm tra, đôn đốc cơ sở; kiên trì giữ vững nguyên tắc, kỉ cương, kịp thời uốn nắn thiếu sót, sai lệch phát sinh. Vì thế, Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Bước vào những năm đầu của thế kỉ XXI, Mỏ sắt Trại Cau đứng trước thời cơ và thách thức lớn. Qua nhiều năm hoạt động theo cơ chế mới, đội ngũ công nhân Mỏ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh. Hơn nữa, việc đầu tư vốn lớn để cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kĩ thuật, hiện đại hóa bộ phận chính của dây chuyền sản xuất đã giúp Mỏ nâng cao được năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng quặng, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Công ty giao.

Điều đặc biệt quan trọng là Mỏ sắt Trại Cau còn nhận được sự quan tâm, đồng tình ủng hộ của các cấp lãnh đạo tỉnh và Công ty, của các phòng, ban chức năng, các tổ chức đoàn thể, các nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài Công ty. Đó chính là nguồn động viên lớn, tiếp thêm sức mạnh cho Mỏ vững bước đi lên trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, Mỏ sắt Trại Cau còn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức lớn. Đó là sự biến động của thị trường, sự diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, chính trị thế giới tác động trực tiếp đến thị trường tiêu thụ của Công ty và gián tiếp ảnh hưởng đến Mỏ. Hơn nữa, dù có trữ lượng lớn, nhưng do nhiều năm khai thác, nguồn quặng đang cạn dần. Vì vậy, để có thể tiếp tục hoạt động thì các phương án sản xuất phải được vạch ra, việc khảo sát

thăm dò tìm nguồn quặng mới phải được tiến hành, giải quyết dứt điểm công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

Trình độ văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật của công nhân mặc dù đã cao hơn nhiều so với trước đổi mới, song còn bất cập so với những yêu cầu của công nghệ, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do đó, vấn đề đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng công nhân, đổi mới đội ngũ công nhân là yêu cầu bức thiết cần có thời gian và sự đầu tư lớn.

Sự phát triển của đất nước đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất phải có hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ cấu tổ chức cũng đặc biệt được coi trọng. Mỏ đã tiến hành giảm nhẹ bộ máy quản lý, bố trí cho những người có trình độ chuyên môn cao giữ những cương vị quan trọng... Vì thế hiệu quả của công tác quản lý cũng ngày một cao hơn.

Phía trước còn nhiều chông gai, đất nước đang đứng trước nhiều thách thức và vận hội mới, đòi hỏi cán bộ, công nhân, viên chức, lao động Mỏ tiếp tục có những bước phát triển mới, năng động và sáng tạo hơn. Mỏ sắt Trại Cau luôn kế thừa và phát huy tiềm năng, trí tuệ và thành quả lao động, đồng thời luôn vươn tới đưa hoạt động của Mỏ ngày càng có hiệu quả cao, xứng đáng với sự tin yêu của các thế hệ cán bộ, công nhân trong mấy chục năm qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2002), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI*.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII*.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1936-1965)*.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II (1965-2000)*.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Trại Cau (2012), *Lịch sử Đảng bộ thị trấn Trại Cau 1962-2012*.
7. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nguyên (2016), *Từ điển Thái Nguyên*.
8. Công ty Gang thép Thái Nguyên (2000), *TISCO- Chiến lược phát triển giai đoạn 2000 - 2010*.
9. Công ty Gang thép Thái Nguyên (2009), *50 năm xây dựng và phát triển (1959 - 2009)*.
10. Công ty Gang thép Thái Nguyên (2010), *TISCO- lớn mạnh cùng đất nước*.
11. Công ty Gang thép Thái Nguyên (1970), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1969*.
12. Công ty Gang thép Thái Nguyên (2000), *Báo cáo một số chỉ tiêu về thực hiện nhiệm vụ từ năm 1996 - 2000*.
13. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2001), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2000*.
14. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2002), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2001*.
15. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2003), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2002*.

16. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2004), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2003.*
17. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2005), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2004.*
18. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2006), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2005.*
19. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2007), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2006.*
20. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2008), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2007.*
21. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2009), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và thỏa ước lao động tập thể năm 2008.*
22. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2010), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2009.*
23. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2011), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2010.*
24. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2012), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2011.*
25. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2013), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2012.*
26. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2014), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2013.*
27. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2015), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014.*
28. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2016), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015.*
29. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2017), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016.*

30. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2018), *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017*.
31. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau (2001), *Phương án tổ chức và biên chế Mỏ sắt Trại Cau*.
32. Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau (2005), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX*.
33. Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau (2010), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXI*.
34. Đảng bộ Mỏ sắt Trại Cau (2005), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXII*.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật.
40. Đảng ủy Công ty Gang thép Thái Nguyên (2003), *Công ty Gang thép Thái Nguyên 1959 - 2003 - Biên niên sử tóm tắt*.
41. Đảng ủy Công ty Gang thép Thái Nguyên (2003), *40 năm Mỏ sắt Trại Cau*.
42. Đảng ủy Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (2013), *50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau (1963-2013)*.
43. Trần Minh Huân (2012), *Khai thác khoáng sản bền vững ở một số nước trên thế giới*”, Tạp chí *Than-Khoáng sản Việt Nam* số 12.
44. Nguyễn Văn Linh (1987), *Đổi mới sâu sắc và toàn diện trên mọi lĩnh vực*, Nxb Sự thật.

45. Nguyễn Văn Linh, (1991), *Đổi mới để tiến lên*, Nxb Sự thật.
46. Nguyễn Xuân Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam 1945-2000*, Nxb Giáo dục.
47. Lê Văn Thành (2012), *Thực trạng ngành khai khoáng Việt Nam*, Tạp chí *Than - Kháng sản Việt Nam* số 12.
48. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2009), *Địa chí Thái Nguyên*.
49. Hà Thị Thu Thủy (2006), *Công nghiệp khai thác mỏ kim loại của thực dân Pháp ở Thái Nguyên (1906 - 1945)*, Luận án Tiến sĩ.
50. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2006), *Báo cáo Quy hoạch quặng sắt tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2015-2020*.

PHỤ LỤC



*Toàn cảnh Văn phòng Mỏ sắt Trại Cau
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



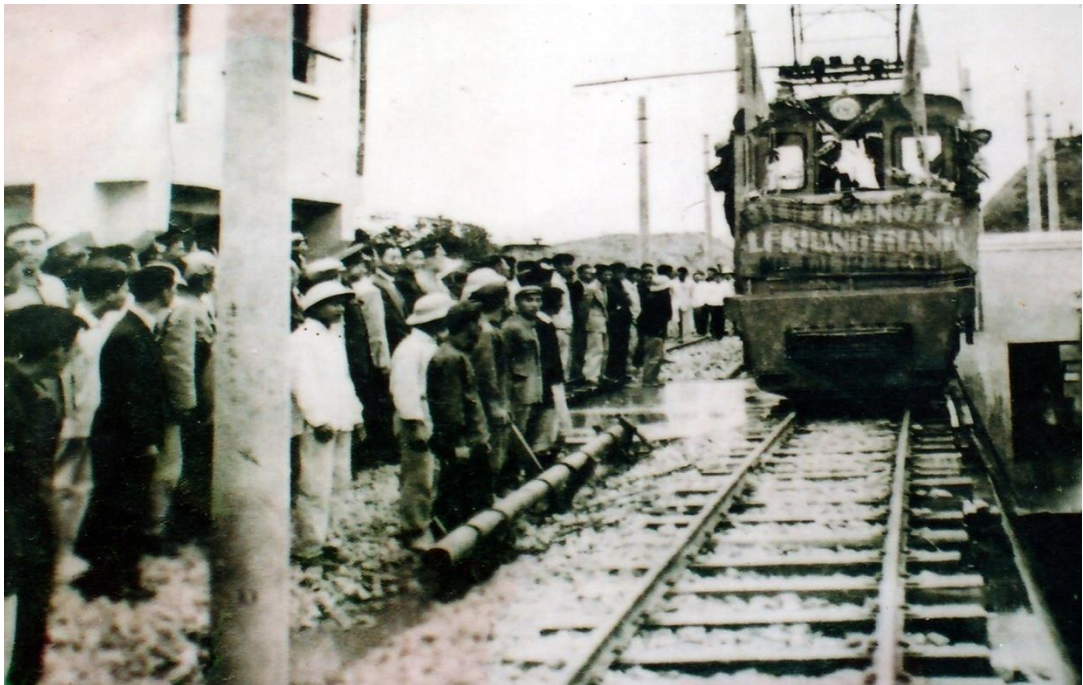
*Đội trắc địa khảo sát địa bàn xây dựng Mỏ sắt Trại Cau
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



*San ủi mặt bằng xây dựng nhà máy
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



*Đ/c Nguyễn Văn Trân, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng,
cắt băng khánh thành dây truyền công nghệ mỏ
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



*Chuyến tàu đầu tiên đưa quặng về nhà máy
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



Khai thác quặng tại công trường tầng 49
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Lễ khởi công Dự án Tầng sâu Núi quặng
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Tổ trắc địa đang khảo sát công trường
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Một góc sản xuất của Phân xưởng Khai thác tại Khu vực tầng sâu núi quặng
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Kho thành phẩm Phân xưởng Tuyển khoáng
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống mỏ sắt Trại Cau)



Công nhân sửa chữa tại hầm bơm cát
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống mỏ sắt Trại Cau)



Công nhân Mỏ đang sửa chữa điện tại trạm biến thế 35 KV
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Công nhân Tổ tiện nguội đang làm việc
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Buổi họp giao ban của phòng Hành chính - Quản trị
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



Trung đội pháo phòng không 12ly7 của Mỏ đạt giải nhất bắn đạn thật
tỉnh Thái Nguyên tháng 9/2013 tại Định Hóa
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)



*Nữ công nhân viên lao động tham quan đền thờ Nguyên phi Ỡ Lan
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*



*Các đồng chí lãnh đạo Mỏ chụp ảnh lưu niệm với các cháu
đạt học sinh giỏi các cấp
(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)*

Một số hình ảnh Văn hóa - xã hội của CBCNVC Mỏ



(Nguồn: Kỷ yếu 50 năm truyền thống Mỏ sắt Trại Cau)